



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



# MỤC LỤC

Chương

01

THÔNGIỆP CỦA  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ VINATEX

8. Thông điệp của Chủ tịch  
Hội đồng Quản trị Vinatex

Chương

02

TỔNG QUAN VINATEX

14. Tổng quan về Tập đoàn  
16. Thông tin và tổ chức nhân sự  
24. Tầm nhìn - Sứ mệnh,  
Văn hóa doanh nghiệp,  
Khẩu hiệu - Biểu tượng  
26. Các dấu mốc nổi bật  
28. Top sự kiện tiêu biểu Vinatex  
năm 2025  
30. Lĩnh vực, năng lực sản xuất  
kinh doanh chính

Chương

03

QUẢN TRỊ CÔNG TY

34. Báo cáo hoạt động và đánh giá  
của Hội đồng Quản trị  
40. Báo cáo Ban Kiểm soát  
46. Báo cáo hoạt động của Cơ  
quan Điều hành  
56. Báo cáo quản trị rủi ro  
62. Hợp đồng, giao dịch với người  
nội bộ

Chương

04

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ  
NHÀ ĐẦU TƯ

68. Quan hệ cổ đông

Chương

05

BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

72. Chính sách đối với người lao động  
74. Báo cáo môi trường và  
năng lượng năm 2025  
78. Vinatex xây dựng hệ thống  
quản trị doanh nghiệp hiện đại,  
minh bạch và dựa trên dữ liệu  
86. Triển vọng kinh tế thế giới và  
thị trường dệt may năm 2026  
94. Hoạt động cộng đồng năm 2025

Chương

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Chương

01

**THÔNG DIỆP**  
CỦA CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VINATEX





# THÔNG ĐIỆP 2026

**TS. LÊ TIẾN TRƯỜNG**  
Chủ tịch HĐQT Vinatex

## DOANH THU HỢP NHẤT

# TĂNG TRƯỞNG ~6%

## LẬP KỶ LỤC MỚI VỀ LỢI NHUẬN HỢP NHẤT

# > 77%

**so với năm 2024**  
gấp **2,3** lần năm 2023  
vượt kỷ lục cũ **3%**

## THU NHẬP BÌNH QUÂN

# >12.000.000

**đồng/người/tháng**

**C**húng ta vừa đi qua năm 2025 với những kết quả vượt trội về sản xuất kinh doanh, ghi nhận kỷ lục mới về lợi nhuận hợp nhất trong lịch sử 30 năm thành lập Tập đoàn vượt qua năm 2021, nhưng khác biệt với 2021 là năm của hiện tượng quá mua, quá nhiều đơn hàng sau thời gian đóng cửa vì Covid-19 thì năm 2025 điều kiện sản xuất kinh doanh lại hết sức thách thức. Ngay từ 2/4/2025, cả thị trường thế giới đã rung lắc mạnh trước quyết định áp thuế đối ứng của Mỹ, tâm lý lo lắng lan rộng trong toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu, hiện tượng dừng tạm thời đơn hàng đã xảy ra ngay trong tuần đầu tiên tháng 4, ám ảnh về một năm kinh doanh khó khăn như 2023 lại hiển hiện.

Tuy nhiên, với những nỗ lực chủ động, linh hoạt của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, các áp lực về thuế quan dần được giải toả, đặc biệt là sự sáng tạo nổi trội, quyết tâm tận dụng từng cơ hội đơn hàng dù nhỏ nhất, sự đồng lòng nhất trí của toàn thể người lao động đã làm nên điểm sáng năm 2025. Tập đoàn đạt doanh thu hợp nhất tăng trưởng ~6% nhưng lợi nhuận hợp nhất tăng trên 77% so với năm 2024, gấp 2,3 lần năm 2023, đảm bảo việc làm cho gần 60.000 lao động trực tiếp và trên 150.000 lao động tại các đơn vị liên kết, với thu nhập bình quân hơn 12 triệu đồng/người/tháng, vượt gần 30% so với thu nhập bình quân ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cả nước, năng suất lao động tổng hợp (TFP) tăng ~ 6%, tỷ suất lợi nhuận trước thuế

hợp nhất trên vốn điều lệ đạt ~30%, trên vốn chủ sở hữu đạt ~15%. Chúng ta đã thực hiện được cam kết lập thành tích cao nhất trong năm có nhiều sự kiện lớn của đất nước và Tập đoàn, kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng, 80 năm ngày thành lập nước CHXHCN Việt Nam, 50 năm thống nhất đất nước, 30 năm thành lập Tập đoàn, năm tổ chức đại hội Đảng bộ Tập đoàn lần thứ IV, và Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội 14 của Đảng. Có thể tổng kết những bài học kinh nghiệm của năm 2025 là:

Bám sát diễn biến thị trường và các chính sách thương mại quốc tế, liên tục dự báo và phân tích để tìm ra hướng đi hợp trong điều kiện thị trường bất định.

Tổ chức thực hiện quyết liệt, tốc độ cao, các giải pháp chỉ thực sự có hiệu lực, hiệu quả ở những khoảng thời gian rất ngắn, tạm thời của chính sách thương mại quốc tế, cũng như chính sách trong nước.

Nỗ lực đa dạng hoá thị trường trong nhiều năm, đã giảm thiểu đáng kể ảnh hưởng tiêu cực của các chính sách thương mại mới và trật tự thị trường đang dần hình thành sau năm 2025.

Liên tục đổi mới, tạo lập mô thức quản trị ngày càng hiệu quả, phản ứng nhanh với thị trường biến động trên nền tảng tiến trình chuyển đổi số và các phần mềm ứng dụng chung toàn Tập đoàn ngày càng bao phủ nhiều hơn các hoạt động quản lý. Trên cơ sở đó đào tạo, huấn luyện đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu của mô hình hiện đại.

Phát huy hiệu quả liên kết doanh nghiệp, liên tục so sánh chất lượng quản lý trong Tập đoàn trên nền dữ liệu minh bạch, thúc đẩy tất cả các doanh nghiệp cùng tiến bộ thông qua hoạt động các Ban SXKD Sợi và May.

Bên cạnh việc phát huy văn hoá đoàn kết, cần cù, tiết kiệm đã được các thế hệ CBNV Vinatex tạo lập, tiếp tục xây dựng bổ sung văn hoá đổi mới, sáng tạo, phương pháp đánh giá khoa học để đãi ngộ công bằng theo đóng góp thực chất cho doanh nghiệp. Đề cao nỗ lực đổi mới, sáng tạo, hành động thực chất. Tập trung loại trừ bệnh quan liêu, hình thức, chung chung trong công tác quản lý từ Tập đoàn tới cơ sở.



Năm 2026, bối cảnh tình hình thế giới dự báo tiếp tục khó lường. Căng thẳng địa chính trị ở nhiều khu vực chưa có dấu hiệu hạ nhiệt trong khi xung đột quân sự tại Trung Đông leo thang, làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung năng lượng, đẩy giá nhiên liệu lên mức cao, kéo theo chi phí sản xuất và vận chuyển toàn cầu tăng nhanh trở lại. Các tuyến vận tải biển quan trọng đều bị ảnh hưởng dẫn tới nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh đó, kinh tế toàn cầu được dự báo tăng trưởng chậm, lạm phát có nguy cơ quay trở lại, đặc biệt tại thị trường Mỹ do ảnh hưởng của chính sách thuế; lãi suất ngân hàng có xu hướng duy trì ở mức cao, thậm chí có thể thiết lập đà tăng mới. Việc Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) thông báo khởi xướng điều tra theo Section 301 của Đạo luật Thương mại năm 1974 liên quan đến tình trạng dư thừa công suất công nghiệp với 16 nền kinh tế, trong đó có Việt Nam có thể làm gia tăng rủi ro thuế quan với doanh nghiệp dệt may, kéo theo hàng dệt may xuất khẩu sang Mỹ có thể biến động giảm mạnh so với năm 2025.

Kịch bản dự báo cơ sở trong giả thiết không có xung đột vũ trang và chính sách thuế toàn cầu mới so với 2025 cho nhu cầu giao dịch hàng hoá dệt may toàn cầu chỉ tăng 3%, với đơn giá không tăng, thậm chí giảm vì chia sẻ thuế quan mới với người tiêu dùng. Trong khi đó 2 quốc gia lớn về dệt may là Trung Quốc và Ấn Độ có quyết tâm rất cao, cùng chính sách hỗ trợ để phục hồi lại thị phần suy giảm năm 2025 làm áp lực về đơn hàng với ngành Dệt May Việt Nam là rất lớn. Ở trong nước, năm 2025 là năm đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất 10 năm gần đây, thu hút nguồn vốn FDI thuộc nhóm tốt nhất thế giới, vĩ mô ổn định, tuy nhiên lại trở thành áp lực rất lớn về cạnh tranh lao động với ngành dệt may khi có nhiều ngành sản xuất hấp dẫn hơn. Cùng với đó là việc tăng lương tối thiểu vùng, tăng giá điện, giá nhiên liệu, chi phí vận chuyển, tăng lãi suất gây áp lực lớn lên chi phí tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, dù tình hình có cả thuận lợi và khó khăn đan xen thì cùng với cả nước, mục tiêu của Vinatex năm 2026 là phải đóng góp được vào tăng trưởng GDP cả nước trên 10%, với các mục tiêu cụ thể là:

Tăng trưởng thặng dư xuất nhập khẩu trên 10%, đóng góp trực tiếp 10% vào tăng trưởng GDP cả nước.

Tăng trưởng năng suất tổng hợp (TFP) trên 5% cao gần gấp 2 lần mức bình quân cả nước năm 2025, thông qua tăng doanh thu và vốn, nhanh hơn tăng lao động.

Thu nhập của người lao động theo giờ tăng trên 10%, cũng là đóng góp trực tiếp 10% vào tăng trưởng GDP cả nước.

Tăng trưởng hiệu quả công ty Mẹ trên 10%.

Tập đoàn xác định chủ đề của năm 2026 là năm của “hiệu suất tổng thể toàn Tập đoàn”, tập trung cải thiện hiệu suất của tất cả các nguồn lực hiện có gồm hiệu suất khai thác tài sản cố định, tài sản lưu động, hiệu suất khai thác thị trường và đặc biệt là hiệu suất của nguồn nhân lực thông qua sản phẩm có giá trị cao hơn, tổ chức sản xuất thông minh hơn.

Để thực hiện thành công chủ đề của năm 2026, các cụm giải pháp chủ yếu được triển khai bao gồm:

Nâng cao năng lực quản trị sản xuất – tài chính – thị trường trước biến động của kinh tế, chính trị trên thế giới. Doanh nghiệp phát huy tối đa lợi thế về tổ chức sản xuất, quản trị đơn hàng và phối hợp nhịp nhàng với Ban SXKD Sợi, May, từ đó giữ vững thị phần, ổn định việc làm.

Sàng lọc những việc làm hiệu quả thấp, năng lực cạnh tranh suy giảm, loại bỏ dần ra khỏi chuỗi giá trị Tập đoàn cung cấp trên thị trường.

Tập trung đẩy mạnh hiệu suất những khu vực kinh doanh có hiệu quả, khai thác với tỷ lệ cao nhất, tạo ra tỷ suất lợi nhuận tốt hơn trên tài sản, gồm cả tài sản hữu hình và vô hình như công nghệ, thương hiệu, nguồn nhân lực.

Tiếp tục tập trung vào chất lượng tăng trưởng, độ đồng đều trong năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong Tập đoàn.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng quản lý số cho các doanh nghiệp chủ lực, liên kết trực tiếp theo thời gian thực về công ty Mẹ. Tổ chức, khai thác, vận hành hiệu quả trung tâm dữ liệu kinh doanh số toàn Tập đoàn. Thực hiện dự báo và đưa ra giải pháp quản trị trên cơ sở nguồn dữ liệu lớn, đáng tin cậy.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới tại các đơn vị mạnh và công ty Mẹ để tạo bước tiến đột phá cho toàn hệ thống.

Đổi mới hoạt động đào tạo cán bộ theo hướng hiện đại, số hoá, nhưng cá thể hoá cho điều kiện từng doanh nghiệp. Thực hành tốt văn hoá học tập liên tục và tinh thần đổi mới sáng tạo trong Tập đoàn.

Thực hiện giao nhiệm vụ cho các đơn vị bằng các chỉ tiêu (KPIs) đo lường được, hướng tới từ cấp quản lý trung gian trong toàn Tập đoàn có chỉ tiêu nhiệm vụ. Tiến hành từng bước việc đãi ngộ theo thành tích đóng góp thông qua chỉ tiêu định lượng.

Tổ chức có hệ thống, thuận tiện, kịp thời hoạt động quản trị rủi ro, nhấn mạnh yếu tố phòng ngừa từ sớm, từ xa các rủi ro của doanh nghiệp.



Năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 14 và kế hoạch 5 năm 2026-2030 với những mục tiêu rất cao, rất thách thức nhưng là lựa chọn duy nhất để có thể thực sự phát triển bền vững và cụ thể hoá 2 mục tiêu 100 năm của đất nước. Tập đoàn và toàn thể các doanh nghiệp phải cam kết thực hiện bằng được các mục tiêu được đặt ra với người lao động, cổ đông và các cơ quan quản lý, dựa trên nền tảng **KẾ THỪA CHỌN LỌC – ĐỔI MỚI SÁNG TẠO – QUẢN TRỊ LINH HOẠT – NHÂN LỰC TINH HOA** để xây dựng được một doanh nghiệp **VĂN MINH – HIỆU QUẢ – TRÁCH NHIỆM**.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Tiến Trường



Chương

# 02

## TỔNG QUAN VINATEX

---

- 14. Tổng quan về Tập đoàn
- 16. Thông tin và tổ chức nhân sự
- 24. Tầm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp,  
Khẩu hiệu - Biểu tượng
- 26. Các dấu mốc nổi bật
- 28. Top sự kiện tiêu biểu Vinatex năm 2025
- 30. Lĩnh vực, năng lực sản xuất kinh doanh chính





# 1. TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN

Tên tiếng Việt: **TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh: **VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP**

Tên giao dịch: **VINATEX**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100100008**

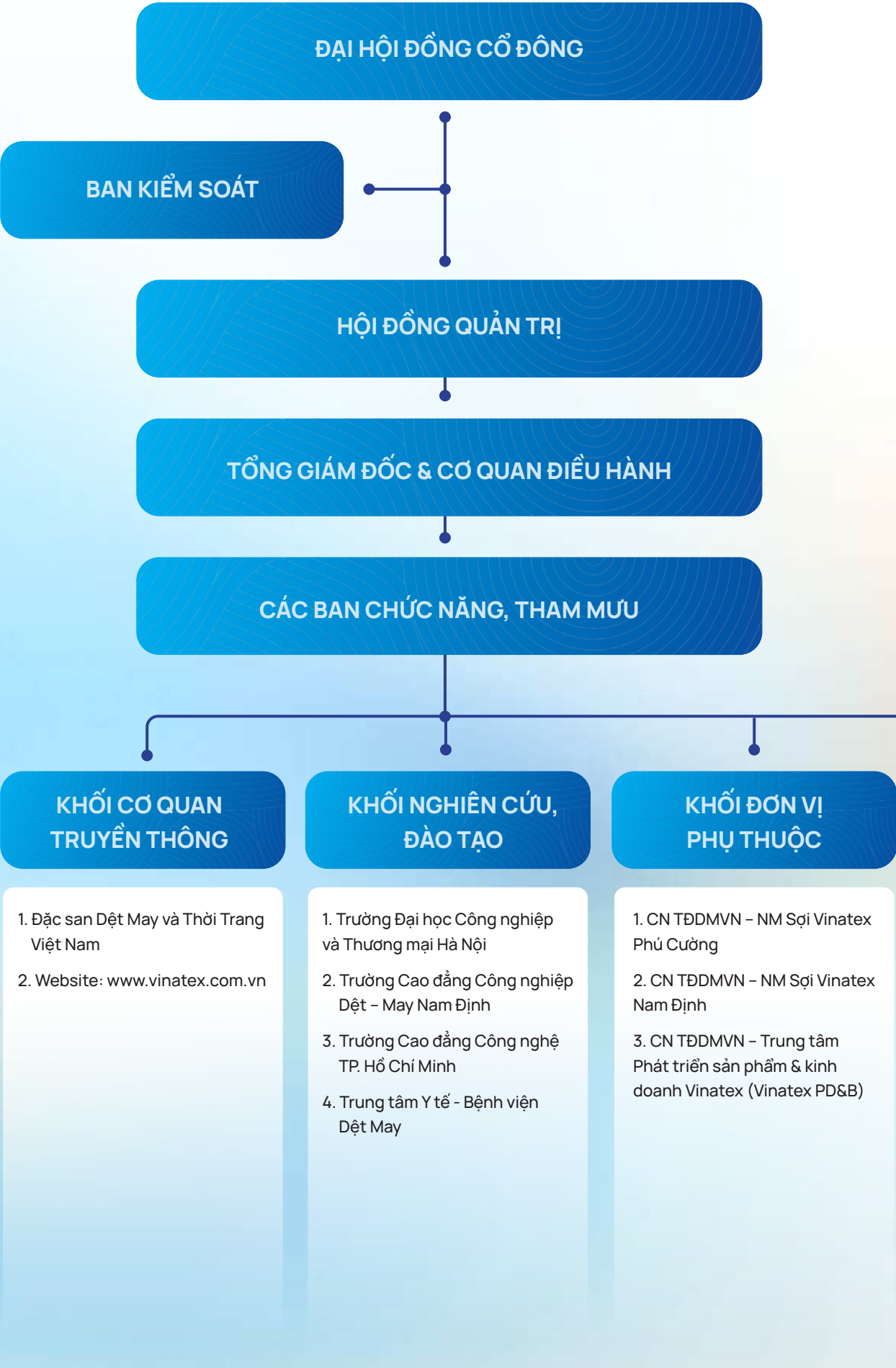
Vốn điều lệ: **5.000.000.000.000 đồng**  
(Năm nghìn tỷ đồng)

Địa chỉ: **VP HN: 41A Lý Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam**  
**VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Điện thoại: **(+84) 24 3825 7700**

Website: **www.vinatex.com.vn**

Mã cổ phiếu: **VGIT**



# 2. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## 2.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## 2.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

### 2.2.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT hiện tại gồm 07 thành viên.

| STT | Họ và tên        | Chức vụ tại Tập đoàn            |
|-----|------------------|---------------------------------|
| 1   | Lê Tiến Trường   | Chủ tịch HĐQT                   |
| 2   | Trần Quang Nghị  | Phó Chủ tịch HĐQT               |
| 3   | Cao Hữu Hiếu     | Thành viên HĐQT                 |
| 4   | Đặng Vũ Hùng     | Thành viên HĐQT                 |
| 5   | Vũ Hồng Tuấn     | Thành viên HĐQT                 |
| 6   | Nguyễn Xuân Đông | Thành viên HĐQT                 |
| 7   | Lê Ngọc Diệp     | Thành viên HĐQT từ tháng 6/2025 |



**Ông LÊ TIẾN TRƯỜNG**

Chủ tịch HĐQT chuyên trách

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Lê Tiến Trường có gần 30 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 20 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực và đảm nhận vị trí Thành viên Hội đồng Thành viên, Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 7/2014 - 8/2020.

Ông Lê Tiến Trường: Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ quản trị nhân lực, Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Havard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.



**Ông TRẦN QUANG NGHỊ**

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ tháng 8/2020. Ông Trần Quang Nghị có hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành dệt may. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành Dệt May Việt Nam. Ông đã đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 10/2010 - 6/2014 và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 1/2015 - 8/2020. Ông là người lãnh đạo, quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, có nhiều đóng góp to lớn trong định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.



**Ông CAO HỮU HIẾU**

Thành viên HĐQT

Ông Cao Hữu Hiếu được bầu thành viên HĐQT từ tháng 5/2023. Ông là người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dệt may với học vị Thạc sĩ Vật liệu Dệt. Ông đã có trên 25 năm công tác trong ngành Dệt May, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư, Giám đốc điều hành Tập đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Tổng Giám đốc Tập đoàn.



**Ông ĐẶNG VŨ HÙNG**

Thành viên HĐQT

Ông Đặng Vũ Hùng là Thành viên HĐQT Vinatex từ tháng 1/2015. Ông Đặng Vũ Hùng là cán bộ được đào tạo chuyên sâu ngành Dệt May với học vị Tiến sĩ Công nghệ Dệt. Với gần 25 năm công tác, ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Phó Tổng Giám đốc Vinatex, Tổng Giám đốc Vinatex. Hiện nay, ông đang đảm nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Vinatex, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quốc tế Phong Phú.



**Ông VŨ HỒNG TUẤN**

Thành viên HĐQT chuyên trách

Ông Vũ Hồng Tuấn được bầu là thành viên HĐQT Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Vũ Hồng Tuấn được đào tạo Cử nhân chuyên ngành Ngân sách nhà nước, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đã có hơn 30 năm công tác và đảm nhiệm các vị trí: Thanh tra viên chính - Bộ Tài chính; Trưởng ban Pháp chế, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Quản lý rủi ro của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.



**Ông NGUYỄN XUÂN ĐÔNG**

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Xuân Đông được bầu là thành viên HĐQT Vinatex từ tháng 6/2021. Ông Nguyễn Xuân Đông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may và giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Công ty TNHH Dệt Nhuộm Trung Thu, Giám đốc Công ty CP Nhuộm Hà Nội, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Len Hà Đông, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP May Nhà Bè, Thành viên HĐQT Công ty CP Vinatex Đà Nẵng, Thành viên HĐQT Công ty CP Dệt Vĩnh Phú.



**Bà LÊ NGỌC DIỆP**

Thành viên HĐQT

Bà Lê Ngọc Diệp được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhiệm kỳ 2025-2030 từ tháng 6/2025. Bà có trình độ Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị công, hiện đang công tác tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), giữ chức vụ Phó Trưởng ban Đầu tư 3. Trong quá trình công tác, bà đã trải qua các vị trí thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT tại một số doanh nghiệp do SCIC quản lý.

2.2.2 Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn. Ban Kiểm soát hiện có 05 thành viên:

| STT | Họ và tên          | Chức vụ tại Tập đoàn                     |
|-----|--------------------|------------------------------------------|
| 1   | Trần Thị Thu Hằng  | Trưởng Ban Kiểm soát                     |
| 2   | Đoàn Thị Thu Hương | Thành viên Ban Kiểm soát                 |
| 3   | Đặng Thị Hồng Lê   | Thành viên Ban Kiểm soát                 |
| 4   | Nguyễn Thanh Lê    | Thành viên Ban Kiểm soát                 |
| 5   | Bùi Việt Phương    | Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 6/2025 |



**Bà TRẦN THỊ THU HẰNG**  
Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách

Cử nhân Tài chính Kế toán, đã có trên 30 năm kinh nghiệm trong công tác Tài chính Kế toán tại các doanh nghiệp Dệt May và giữ chức vụ Phó Trưởng Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước khi được bầu Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn.



**Bà ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG**  
Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế, đã có gần 25 năm công tác, trong đó có 8 năm kinh nghiệm trong công tác Nguồn vốn và Pháp chế. Bà Đoàn Thị Thu Hương từng giữ chức vụ Giám đốc Nguồn vốn và Đầu tư - Công ty Tài chính Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Chuyên viên Ban Tổng hợp Pháp chế, Thư ký Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**Bà ĐẶNG THỊ HỒNG LÊ**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân Luật Kinh tế, đã có trên 20 năm công tác và từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng ban Pháp chế, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Giám đốc điều hành, TV HĐQT Công ty CP Dệt 19/5 Hà Nội, Giám đốc điều hành Công ty CP Len Hà Đông. Bà Đặng Thị Hồng Lê hiện đang là Thành viên HĐQT Công ty Dệt 19/5 Hà Nội và Trưởng ban Pháp chế kiêm Giám đốc điều hành Công ty CP Len Hà Đông.



**Bà NGUYỄN THANH LÊ**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Cử nhân ngành Tài chính ngân hàng, Thạc sĩ ngành Tài chính. Bà Nguyễn Thanh Lê đã có trên 25 năm công tác Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và hiện nay đang là Chuyên viên Ban Đầu tư 3 - Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước kiêm Kiểm soát viên Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiển.



**Bà BÙI VIỆT PHƯƠNG**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ Thạc sĩ Kinh tế đối ngoại. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm công tác, trong đó có 8 năm là giảng viên Bộ môn Quan hệ Kinh tế Quốc tế, Trưởng Đại học Ngoại thương. Từ năm 2013, bà làm việc tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đồng Phú và giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.

2.2.3. Cơ quan Điều hành

Cơ quan điều hành (CQĐH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQĐH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành.

| STT | Họ và tên           | Chức vụ tại Tập đoàn           |
|-----|---------------------|--------------------------------|
| 1   | Cao Hữu Hiếu        | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |
| 2   | Phạm Văn Tân        | Phó Tổng Giám đốc thường trực  |
| 3   | Nguyễn Song Hải     | Phó Tổng Giám đốc              |
| 4   | Nguyễn Đức Trị      | Phó Tổng Giám đốc              |
| 5   | Phạm Xuân Trình     | Phó Tổng Giám đốc              |
| 6   | Lê Mạc Thuấn        | Phó Tổng Giám đốc              |
| 7   | Nguyễn Thị Thu Hiền | Giám đốc Điều hành từ 1/8/2025 |
| 8   | Nguyễn Hùng Quý     | Giám đốc Điều hành từ 1/8/2025 |



**Ông CAO HỮU HIẾU**  
Tổng Giám đốc

Chi tiết về Ông Cao Hữu Hiếu vui lòng xem giới thiệu Hội đồng Quản trị.



**Ông PHẠM VĂN TÂN**  
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ tài chính và có hơn 25 năm gắn bó với ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty May Đức Giang; Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Giám đốc điều hành kiêm Kế toán trưởng Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**Ông NGUYỄN SONG HẢI**  
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ Kỹ sư ngành Công nghệ Dệt và Cử nhân Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Đã trải qua hơn 33 năm công tác thực tế, có kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực Dệt May, có nhiều năm kinh nghiệm thực tế quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong doanh nghiệp như: Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội.



**Ông NGUYỄN ĐỨC TRỊ**  
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh với hơn 30 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn như Trưởng phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng; Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt May Huế, Giám đốc Điều hành Tập đoàn.



**Ông PHẠM XUÂN TRÌNH**  
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và chuyên môn sâu về sợi dệt với gần 40 năm công tác, gắn bó trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn như: Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương, Giám đốc Điều hành Vinatex.



**Ông LÊ MẠC THUẤN**  
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, với hơn 35 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như Tổng Giám đốc Xí nghiệp May Sông Tiền, Giám đốc Điều hành Công ty May Nhà Bè, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè, Giám đốc Điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**Bà NGUYỄN THỊ THU HIỀN**  
Giám đốc Điều hành

Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật, Cử nhân kinh tế-Quản trị Kinh doanh. Bà có hơn 20 năm công tác tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam với nhiều vị trí, lĩnh vực văn phòng, pháp chế tại Tập đoàn như Thư ký Hội đồng Quản trị, Phó ban Tổng hợp Pháp chế, Chánh văn phòng Tập đoàn, Chánh văn phòng Hội đồng Quản trị.



**Ông NGUYỄN HÙNG QUÝ**  
Giám đốc Điều hành

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - Quản trị Kinh doanh với hơn 25 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong doanh nghiệp như: Giám đốc Điều hành, Giám đốc kinh doanh Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP; Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dệt May Miền Nam Vinatex (VSC). Từ 12/2018 là Tổng Giám đốc VSC. Từ 11/2020, là thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dệt May Miền Nam Vinatex (VSC).

# TẦM NHÌN – SỨ MỆNH, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

## Tầm nhìn – Sứ mệnh



❖ Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

❖ Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.

## Văn hóa doanh nghiệp



❖ Hiếu công việc mình làm.

❖ Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.

❖ Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.

❖ Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

❖ Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

❖ Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.

# KHẨU HIỆU – BIỂU TƯỢNG

## Khẩu hiệu



### “Gấm vóc non sông, Hào khí Lạc Hồng”

❖ Gấm vóc non sông: thể hiện khát vọng đem lại các sản phẩm dệt may có giá trị, là niềm tự hào của đất nước Việt Nam, gắn liền với non sông cẩm tú của đất nước, là cụ thể hóa sự đóng góp của Tập đoàn vào giá trị tốt đẹp, vĩnh cửu của dân tộc.

❖ Hào khí Lạc Hồng: thể hiện truyền thống hàng ngàn năm lịch sử hào hùng của dân tộc, bản sắc văn hóa “con Lạc, cháu Hồng” mà mỗi sản phẩm, dịch vụ, thương hiệu của Tập đoàn cần gìn giữ, phát triển, là sự quyết tâm vươn lên trên thị trường thế giới bằng nét văn hóa riêng biệt của người Việt Nam.

## Biểu tượng



❖ Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

❖ Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thể đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.

❖ Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

# CÁC DẤU MỐC NỔI BẬT

Quá trình hình thành và phát triển của VINATEX gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành Dệt May Việt Nam. VINATEX luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành. Các mốc phát triển cụ thể:

## THÁNG 4 NĂM 1995

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam, tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.

## THÁNG 10 NĂM 2005

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh của Chủ tịch nước.

## THÁNG 5 NĂM 2010

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng của Chủ tịch nước.

## NĂM 2014

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam; Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014.

## THÁNG 1 NĂM 2015

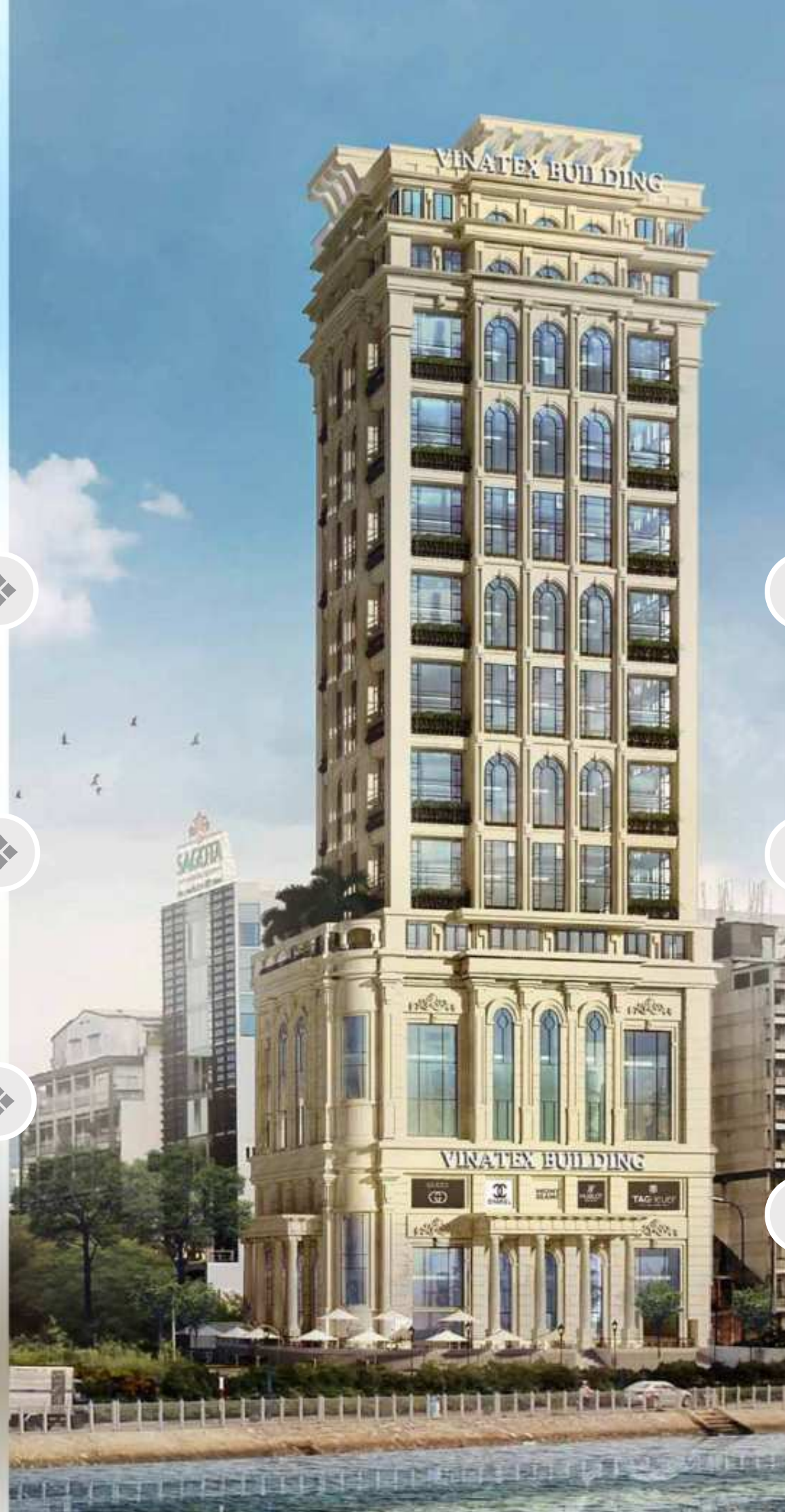
Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.

## THÁNG 12 NĂM 2015

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động.

## NĂM 2025

Tập đoàn Dệt May Việt Nam kỷ niệm 30 năm thành lập, khẳng định vai trò trọng yếu trong sự phát triển bền vững của ngành Dệt May Việt Nam.



# TOP SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

## VINATEX NĂM 2025

1.

### VINH DỰ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

Nhằm ghi nhận những kết quả đã đạt được và sự đóng góp của Vinatex cho đất nước, đặc biệt là thành tích đột xuất giai đoạn 2022 – 2024, thay mặt Đảng và Nhà nước, đồng chí Nguyễn Hòa Bình – Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đã trao Huân chương Lao động hạng Ba cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Đây là lần thứ 5 Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận các phần thưởng cao quý trong 30 năm xây dựng và phát triển, Tập đoàn đã vinh dự đón nhận: Huân chương Sao vàng (năm 2010), Huân chương Hồ Chí Minh (năm 2005), Huân chương Độc lập Hạng Ba (năm 2000), danh hiệu Anh hùng Lao động (năm 2015).

3.

### TỰ HÀO LỄ KỶ NIỆM 95 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM; LỄ KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP VINATEX

Tại Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam (phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình), Tập đoàn Dệt May Việt Nam trang trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 95 năm Ngày truyền thống ngành Dệt May Việt Nam (25/3/1930-25/3/2025), giúp người dệt may cùng nhau nhìn lại những gì đã qua, khẳng định giá trị văn hóa cốt lõi và định hướng tầm nhìn chiến lược, đưa ngành dệt may tiếp tục vững bước, khẳng định vị thế trên trường quốc tế.

Với chủ đề “Năng động – Sáng tạo – Nội lực – Vươn xa”, chương trình kỷ niệm 30 năm Dệt tinh hoa –

2.

### ĐẠT LỢI NHUẬN CAO NHẤT TRONG LỊCH SỬ THÀNH LẬP TẬP ĐOÀN

Năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tập trung củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều yếu tố bất định, cạnh tranh gay gắt và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng ngày càng rõ nét. Theo đó, doanh thu hợp nhất năm 2025 là hơn 19.486 tỷ đồng, tăng hơn 6% so với kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất là 1.480 tỷ đồng, vượt 63% so với kế hoạch, tăng 77% so với cùng kỳ 2024, cao nhất lịch sử trong 30 năm xây dựng và phát triển Vinatex. Thu nhập bình quân của người lao động toàn Tập đoàn đạt 12,14 triệu đồng/người/tháng, tăng 7% so với năm 2024, tăng 5% so với kế hoạch năm 2025.

May mắn mang đến những nội dung ấn tượng và phần trình diễn đặc sắc, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình xây dựng và phát triển. Chương trình còn mang tới không gian triển lãm đặc biệt - một bản hòa ca giữa truyền thống và hiện đại, giữa giá trị lịch sử và tầm nhìn tương lai, truyền tải thông điệp về sự bền bỉ, sáng tạo và tinh thần hội nhập của Vinatex.

Trong chuỗi hoạt động, Vinatex ra mắt các ấn phẩm đặc biệt: sách “Lịch sử ngành công nghiệp dệt may Việt Nam (1989 – 2025)” (công trình nghiên cứu đầu tiên về ngành công nghiệp sản xuất quốc gia); phim Tài liệu lịch sử về Hành trình 30 năm Dệt tinh hoa - May gấm vóc bản tiếng Anh và tiếng Việt; kịch hoạt chính thức giao diện mới của Cổng thông tin điện tử Vinatex.

4.

### TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TẬP ĐOÀN, ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN, ĐẠI HỘI ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH VINATEX NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Đại hội Đảng bộ Tập đoàn Dệt May Việt Nam lần thứ IV, Đại hội Công đoàn DMVN lần thứ VII và Đại hội Đoàn TNCS HCM Tập đoàn Dệt May Việt Nam lần thứ V, nhiệm kỳ 2025–2030 diễn ra thành công tốt đẹp, tạo dựng nền tảng chính trị vững chắc, kiện toàn tổ chức tinh gọn- hiệu lực- hiệu quả, thống nhất tư tưởng và khơi dậy tinh thần đoàn kết – trách nhiệm – sáng tạo trong mỗi cán bộ, đảng viên và đoàn viên, thanh niên, người lao động, đồng thời tạo nên động lực mới, định hướng rõ ràng cho chặng đường phát triển của Vinatex trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, bầu cử thành công 7 đồng chí là thành viên HĐQT và 5 đồng chí là thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030. HĐQT tiếp tục tín nhiệm bầu TS. Lê Tiến Trường giữ chức Chủ tịch HĐQT Vinatex; ông Trần Quang Nghị giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT Vinatex; ông Cao Hữu Hiếu giữ chức Tổng Giám đốc Vinatex; bầu bà Trần Thị Thu Hằng giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát Vinatex nhiệm kỳ 2025 – 2030.

6.

### NHẬN DANH HIỆU TOP10 THƯƠNG HIỆU MẠNH VƯƠN TẦM

Vinatex được vinh danh là TOP10 thương hiệu mạnh vươn tầm tại Diễn đàn Kinh tế mới Việt Nam, khẳng định thương hiệu doanh nghiệp có thành tích xuất sắc, vượt trội trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh, tiên phong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội doanh nghiệp với cộng đồng và môi trường.

5.

### THAM GIA VÀ ĐẠT GIẢI “KHÔNG GIAN TRƯNG BÀY TIÊU BIỂU” TẠI TRIỂN LÃM THÀNH TỰU ĐẤT NƯỚC

Tại triển lãm thành tựu đất nước “Rạng rỡ Việt Nam: 80 năm Hành trình Độc lập – Tự do – Hạnh phúc”, Vinatex tham gia trưng bày tại phân khu Khởi nghiệp Kiến quốc của Bộ Công Thương, đạt giải “Không gian trưng bày tiêu biểu”. Với chủ đề “Tinh hoa hội tụ”, Vinatex giới thiệu bức tranh toàn diện về chuỗi cung ứng dệt may từ nguồn nguyên phụ liệu (bông, xơ) đến chuỗi cung ứng Sợi – Dệt vải – Thời trang, thu hút hàng nghìn lượt khách hàng, doanh nghiệp, nhân dân đến tham quan và tìm hiểu thông tin sản phẩm.



# LĨNH VỰC, NĂNG LỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

**của các đơn vị phụ thuộc và chi phối**

## 1. NĂNG LỰC CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN



### NGÀNH SỢI



❖ Năng lực sản xuất:

**140.000** tấn/năm  
(quy đổi Ne30)

Năm 2025, ngành Sợi của Tập đoàn có tổng cộng 660.000 cộc sợi tại 12 công ty (22 nhà máy). Riêng năm 2025 đã đầu tư đổi mới được 50.000 cộc sợi.

❖ Mặt hàng: Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi recycle, sợi cotton xe, sợi polyester... bao gồm có chải thô và chải kỹ.



### NGÀNH VẢI



**Vải dệt thoi**

❖ Năng lực sản xuất:

**60 triệu** mét vải/năm

Năm 2025, các doanh nghiệp sản xuất vải đang trong quá trình thay thế các thiết bị dệt cũ, đổi mới mặt hàng.

**Vải dệt kim**

❖ Năng lực sản xuất:

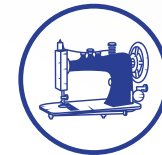
**6.480** tấn/năm

Năm 2025 năng lực vải dệt kim giảm từ 8.490 tấn/năm còn 6.480 tấn/năm do Việt Thắng thông báo giảm năng lực nhuộm vải dệt kim và Dệt May Huế thanh lý thiết bị cũ.

**Dệt gia dụng (khăn)**

❖ Năng lực sản xuất:

**9.700** tấn/năm



### NGÀNH MAY

❖ Năng lực sản xuất:

**1.572** chuyền may  
tương ứng **400 triệu**  
sản phẩm may quy đổi

Ngành May của Tập đoàn hiện có 1.572 chuyền may theo thiết kế, với hơn 82.000 lao động trên toàn hệ thống, tương ứng năng lực sản xuất khoảng hơn 400 triệu sản phẩm may quy đổi mỗi năm.

So với năm 2024, chuyền may tăng nhẹ từ 1.556 lên 1.572 chuyền may do một số đơn vị mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất. Tại một số đơn vị có biến động giảm lao động, tuy nhiên các đơn vị như Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ, Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex, Tổng Công ty May Nhà Bè đã tuyển mới để bù đắp, nên năng lực sản xuất chung không biến động nhiều.



## 2. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

Hệ thống thiết bị công nghệ của Tập đoàn chủ yếu được nhập khẩu từ các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Châu Âu, Nhật Bản..., đảm bảo mức độ tự động hóa cao, tiết kiệm năng lượng và đáp ứng yêu cầu sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, có thể kể đến:

✓ Thiết bị sợi: Rieter - Thụy Sĩ; TRUTZSCHLER - Đức ...

✓ Thiết bị dệt: Mayer Cie-Đức; Terrot-Đức; Toyota - Nhật; Junlong - Đài Loan ...

✓ Thiết bị nhuộm: Thies - Đức, Fong's - Hongkong ...

✓ Thiết bị may: Juki, Brother, Kansai - Nhật; Durkopp Adler - Đức; Gerber - Mỹ ...





Chương

# 03

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 34. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng Quản trị
- 40. Báo cáo Ban Kiểm soát
- 46. Báo cáo hoạt động của Cơ quan Điều hành
- 56. Báo cáo quản trị rủi ro
- 62. Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ





# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội đồng Quản trị - HĐQT) hoạt động theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Quy chế Hoạt động của HĐQT được ĐHĐCĐ phê duyệt. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Vinatex trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông trên nguyên tắc minh bạch, hiệu quả và vì lợi ích của cổ đông.

Tập thể Hội đồng Quản trị Vinatex sở hữu chuyên môn, kỹ năng, năng lực, quan điểm đa dạng và phù hợp để đóng vai trò lãnh đạo và giám sát Tập đoàn hiệu quả.

Trong năm 2025, HĐQT duy trì chế độ làm việc nghiêm túc, khoa học, tổ chức các cuộc họp định kỳ và chuyên đề, đồng thời linh hoạt lấy ý kiến bằng văn bản, trực tuyến để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong điều kiện thị trường còn nhiều biến động. HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức 05 cuộc họp trực tiếp, 09 cuộc họp trực tuyến/lấy ý kiến qua email/văn bản để thông qua, ban hành 23 Nghị quyết và 13 Quyết định. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, phát huy tinh thần trách nhiệm, kinh nghiệm quản trị và chuyên môn để thảo luận, quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức bộ máy và định hướng phát triển của Tập đoàn.

| TT | Thành viên HĐQT  | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp                 |
|----|------------------|--------------------------|-------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Lê Tiến Trường   | 14/14                    | 100%              |                                         |
| 2  | Trần Quang Nghị  | 14/14                    | 100%              |                                         |
| 3  | Đặng Vũ Hùng     | 14/14                    | 100%              |                                         |
| 4  | Vũ Hồng Tuấn     | 14/14                    | 100%              |                                         |
| 5  | Nguyễn Xuân Đông | 14/14                    | 100%              |                                         |
| 6  | Cao Hữu Hiếu     | 14/14                    | 100%              |                                         |
| 7  | Lê Ngọc Diệp     | 10/10                    | 100%              | Bắt đầu là thành viên HĐQT từ 16/6/2025 |

HĐQT đã triển khai đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời bám sát diễn biến kinh tế trong nước và quốc tế, tình hình thị trường dệt may và thực tế hoạt động của Tập đoàn để ban hành các quyết sách kịp thời, góp phần duy trì ổn định hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các nội dung trọng tâm HĐQT đã tập trung chỉ đạo trong năm 2025 gồm:



01

✓ Theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn theo tháng, quý; kịp thời đưa ra định hướng, giải pháp điều hành phù hợp với diễn biến của thị trường trong bối cảnh nhu cầu dệt may thế giới phục hồi chậm, cạnh tranh gia tăng và chi phí đầu vào biến động.

05

✓ Xem xét, quyết định các nội dung liên quan đến cơ cấu lại doanh nghiệp, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động đối với một số đơn vị không còn phù hợp, nhằm tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực cốt lõi, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

02

✓ Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên; triển khai đầy đủ các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

06

✓ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2024 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông với yêu cầu tái đầu tư và phát triển bền vững.

03

✓ Quyết định các vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy, nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của HĐQT, bảo đảm ổn định hệ thống quản trị, nâng cao hiệu lực điều hành và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

07

✓ Tăng cường công tác giám sát, đánh giá định kỳ đối với Cơ quan điều hành và người đại diện phần vốn tại các đơn vị thành viên, kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, nâng cao trách nhiệm trong quản lý vốn và tài sản của Tập đoàn.

04

✓ Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản trị nội bộ đảm bảo cập nhật và tuân thủ các quy định mới của pháp luật, thay đổi về địa giới hành chính quốc gia; tăng cường kỷ cương quản lý, chuẩn hóa quy trình, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

08

✓ Định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trên cơ sở đánh giá đầy đủ bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều yếu tố bất định, yêu cầu Tập đoàn phải chủ động thích ứng, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm hiệu quả hoạt động, đồng thời đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng chung của nền kinh tế.



Thông qua các hoạt động trên, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng chiến lược, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng, góp phần giữ vững ổn định hoạt động của Tập đoàn trong năm 2025, đồng thời tạo nền tảng để triển khai kế hoạch năm 2026 trong bối cảnh môi trường kinh doanh tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định.

## 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2025, HĐQT thực hiện chức năng giám sát đối với Cơ quan điều hành theo đúng quy định của Điều lệ Tập đoàn và các quy chế quản trị nội bộ, bảo đảm hoạt động điều hành được triển khai nhất quán với định hướng chiến lược, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên thông qua chế độ báo cáo định kỳ, các cuộc họp chuyên đề, giao ban điều hành và chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐQT, qua đó kịp thời nắm bắt diễn biến thị trường, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và xử lý các vấn đề phát sinh trong điều kiện ngành dệt may tiếp tục chịu tác động của biến động kinh tế, thương mại và chính sách quốc tế.

Một số nội dung giám sát trọng tâm trong năm 2025 gồm:

✓ Duy trì chế độ giao ban định kỳ 2 tuần 1 lần giữa Chủ tịch HĐQT với Thường trực Cơ quan điều hành (Tổng Giám đốc và Phó TGD thường trực) để cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, tiến độ đơn hàng, diễn biến thị trường và các khó khăn phát sinh; trên cơ sở đó kịp thời đưa ra định hướng, giải pháp điều hành phù hợp với thực tế. Trước diễn biến thị trường có nhiều yếu tố khó lường, ngay trong tháng 4, HĐQT đã chỉ đạo Cơ quan điều hành triển khai chiến dịch “90 ngày làm việc thần tốc”, tập trung tối đa nguồn lực để tận dụng các đơn hàng đã ký kết, đẩy nhanh tiến độ sản xuất, hoàn thành kế hoạch đơn hàng trong thời gian ngắn, góp phần ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm và duy trì hiệu quả hoạt động của Tập đoàn trong giai đoạn thị trường biến động mạnh.

✓ Giám sát công tác tổ chức ĐHCĐ của Tập đoàn, bảo đảm việc chuẩn bị nội dung, trình tự tổ chức và công tác công bố thông tin được thực hiện đúng quy định, tạo sự đồng thuận của cổ đông đối với các định hướng phát triển và các quyết sách quan trọng của Tập đoàn.

✓ Giám sát việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hệ thống quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, đồng thời từng bước chuẩn hóa mô hình quản trị trong toàn hệ thống; xây dựng Điều lệ mẫu để áp dụng thống nhất tại các đơn vị thành viên, nâng cao hiệu lực quản lý và tính minh bạch trong hoạt động.

✓ Giám sát việc chỉ đạo người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo quy định; tổ chức ĐHCĐ tại các đơn vị đúng quy định pháp luật và Điều lệ, bảo đảm quản lý chặt chẽ phần vốn của Tập đoàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp.

✓ Giám sát, chỉ đạo kiện toàn mô hình tổ chức và công tác quản trị nguồn nhân lực, trong đó tập trung xây dựng hệ thống quản lý nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, từng bước chuẩn hóa mô hình tổ chức tại các đơn vị thành viên; đồng thời triển khai công tác quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ kế cận theo hướng hình thành nguồn nhân lực quản lý dùng chung trong toàn hệ thống, bảo đảm tính kế thừa, chủ động trong bố trí, luân chuyển và bổ sung cán bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển và đặc thù sản xuất kinh doanh của từng lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu lực quản trị và ổn định hoạt động của Tập đoàn.

✓ Giám sát việc nghiên cứu, xây dựng định hướng chuyển đổi số và phát triển hạ tầng dữ liệu của Tập đoàn giai đoạn 2026–2030, hướng tới nâng cao năng lực quản trị, tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ thông tin và hỗ trợ công tác điều hành trong toàn hệ thống.

✓ Giám sát việc triển khai đánh giá kết quả công tác của Cơ quan điều hành và người đại diện phần vốn theo phương pháp quản trị hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa kết quả thực hiện nhiệm vụ với hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs), làm cơ sở nâng cao trách nhiệm, hiệu suất và chất lượng quản lý.

✓ Giám sát việc Cơ quan điều hành tăng cường công tác phân tích thị trường, nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ; đồng thời chỉ đạo củng cố cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong chuỗi sản xuất sợi – dệt – may thông qua Ban SXKD Sợi, Ban SXKD May và Khối Nhân sự, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tăng cường tính ổn định trong toàn hệ thống.

## 3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Văn phòng HĐQT là cơ quan thường trực tham mưu, giúp việc cho HĐQT, trực tiếp tổng hợp, phân tích nội dung phục vụ hoạt động cho các tiểu ban. Cụ thể:

### Về nhân sự:

✓ Tham mưu công tác quy hoạch, đào tạo và phát triển nguồn cán bộ kế cận, bảo đảm tính kế thừa, ổn định trong công tác quản lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;

✓ Tham mưu cho HĐQT rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý Công ty Mẹ thuộc thẩm quyền của HĐQT; đánh giá, sắp xếp và bổ sung người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị thành viên, đặc biệt tại các doanh nghiệp tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2025–2030.

✓ Tham gia thường trực Khối nhân sự Tập đoàn; chủ trì xây dựng các báo cáo phân tích, dự báo thị trường lao động làm cơ sở cho công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; từng bước chuẩn hóa công tác quản trị nhân sự trong toàn hệ thống;

### Về công tác thị trường

✓ Theo dõi, phân tích và dự báo tình hình thị trường dệt may thế giới trong bối cảnh môi trường kinh doanh năm 2025 có nhiều biến động; cập nhật kịp thời các thay đổi về chính sách thương mại, thuế quan, phòng vệ thương mại, thuế đối ứng, yêu cầu truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững và các quy định mới tại các thị trường xuất khẩu chủ lực, đánh giá tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Tập đoàn; đồng thời tổ chức 10 hội thảo chuyên đề và các phiên cập nhật đột xuất về chính sách thuế, thương mại quốc tế nhằm cung cấp thông tin kịp thời, phân tích tác động và đề xuất giải pháp ứng phó.

✓ Tổng hợp, phân tích xu hướng kinh tế vĩ mô, thương mại toàn cầu, dịch chuyển chuỗi cung ứng và chính sách của các quốc gia xuất khẩu lớn; so sánh môi trường cạnh tranh giữa Việt Nam với các nước trong khu vực, tham mưu các giải pháp điều hành và định hướng sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thị trường.

✓ Tham gia xây dựng các báo cáo chuyên đề và ấn phẩm phân tích thị trường, trong đó có ấn phẩm “Ngành Dệt May thế giới và Việt Nam 2026: Trong màn sương mờ của thuế đối ứng”, làm cơ sở phục vụ công tác hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch và ra quyết định trong toàn Tập đoàn.

### Về quản trị rủi ro

✓ Tham mưu HĐQT ban hành, sửa đổi các quy chế quản lý tài chính và quy định nội bộ tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, tăng cường kiểm soát rủi ro, bảo đảm sử dụng vốn an toàn, hiệu quả.

✓ Rà soát, đánh giá hoạt động các đơn vị thành viên theo Đề án tái cơ cấu Tập đoàn đã được phê duyệt; tham mưu HĐQT thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động hoặc giải thể các đơn vị không còn phù hợp, gắn với yêu cầu bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động.

## 4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2025

Năm 2025, kinh tế trong nước duy trì tăng trưởng tích cực với GDP ước tăng 8,02%, thuộc nhóm quốc gia tăng trưởng cao trong khu vực. Xuất khẩu dệt may cả nước ước đạt 46,4 tỷ USD, tăng 6% so với năm 2024, thiết lập kỷ lục mới về giá trị xuất khẩu của ngành. Tuy nhiên thị trường dệt may thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định. Tình hình địa chính trị phức tạp, xung đột tại một số khu vực trọng điểm tạo áp lực gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, đặc biệt là sự bất định trong thuế đối ứng của Mỹ từ ngày 2/4/2025, cùng với các yêu cầu ngày càng chặt chẽ về truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững và tuân thủ chuỗi cung ứng, đã làm gia tăng rủi ro và áp lực đối với các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may.

Trong khi đó, tình trạng dư cung sản xuất tại Trung Quốc tiếp tục tạo sức ép lớn lên thị trường toàn cầu, khiến hàng hóa giá thấp gia tăng tại nhiều thị trường truyền thống, làm cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt. Đồng thời, các quốc gia có chi phí lao động thấp như Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia, Campuchia... mở rộng năng lực sản xuất và có chính sách hỗ trợ xuất khẩu dệt may đặc thù, làm gia tăng cạnh tranh trực tiếp đối với doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Trong điều kiện nhu cầu phục hồi chậm và môi trường thương mại thiếu ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chịu nhiều áp lực, đòi hỏi công tác điều hành phải linh hoạt, chủ động và bám sát thị trường.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Cơ quan điều hành đã triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường dự báo, điều hành linh hoạt sản xuất và củng cố quan hệ khách hàng, qua đó giúp Tập đoàn thích ứng kịp thời với biến động của thị trường. Kết quả, năm 2025 Tập đoàn không chỉ hoàn thành kế hoạch mà còn vượt các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao, với lợi nhuận hợp nhất đạt mức cao nhất kể từ khi thành lập.



Kết quả SXKD hợp nhất của Tập đoàn:

✓ Doanh thu hợp nhất đạt 19.486 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch, bằng 106% cùng kỳ;

✓ Lợi nhuận hợp nhất đạt 1.480 tỷ đồng, đạt 163% kế hoạch, bằng 177% cùng kỳ;

Kết quả SXKD công ty mẹ Tập đoàn đạt:

✓ Doanh thu công ty mẹ đạt 2.523 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch, bằng 113% cùng kỳ;

✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 219 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch, bằng 140% cùng kỳ;

Điểm nổi bật trong năm 2025 là toàn bộ các đơn vị trong hệ thống đều duy trì hoạt động có hiệu quả, không còn doanh nghiệp thua lỗ; các lĩnh vực sợi, dệt nhuộm, may và lĩnh vực khác đều có đóng góp tích cực vào kết quả chung của Tập đoàn. Tập đoàn tiếp tục bảo đảm việc làm ổn định cho hơn 53 nghìn lao động, thu nhập bình quân đạt 12,14 triệu đồng/người/tháng, tăng 7% so với năm trước, đồng thời duy trì đầy đủ các chế độ phúc lợi đối với người lao động, góp phần giữ vững ổn định sản xuất và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Tuy đạt kết quả tích cực, hoạt động của Tập đoàn trong năm 2025 vẫn chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn mang tính cơ cấu ở từng lĩnh vực. Ngành sợi tiếp tục gặp áp lực khi nhu cầu tại thị trường Trung Quốc – thị trường tiêu thụ chủ yếu – phục hồi chậm do sản xuất trong nước suy yếu và xu hướng giảm phát, trong khi nguồn cung sợi toàn cầu duy trì ở mức cao, khiến giá sợi ở mức thấp và biên lợi nhuận thu hẹp. Biến động giá bông, chi phí logistics và sự phụ thuộc lớn vào xuất khẩu làm cho ngành sợi nhạy cảm với biến động của thị trường quốc tế.

Đối với ngành may, mặc dù duy trì được kết quả kinh doanh ổn định, nhưng nhu cầu tiêu dùng thế giới chưa phục hồi vững chắc, cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt, đặc biệt từ các quốc gia có chi phí thấp. Trong bối cảnh đó, việc tập trung vào các đơn hàng cơ bản không còn là lợi thế dài hạn, đòi hỏi các doanh nghiệp phải từng bước chuyển dịch sang phân khúc sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả cao hơn để giữ vững vị thế tại các thị trường xuất khẩu chủ lực.

Những yêu cầu này đặt ra nhiệm vụ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, tăng cường liên kết chuỗi và đẩy mạnh tái cơ cấu để Tập đoàn phát triển ổn định và bền vững trong các năm tiếp theo.

## 5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Năm 2026 được dự báo là năm có nhiều khó khăn và rủi ro hơn so với năm 2025 khi môi trường kinh tế và thương mại quốc tế tiếp tục biến động phức tạp. Theo cập nhật đầu năm 2026, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu khoảng 3,3% trong khi World Bank dự báo khoảng 2,6%, đều thấp hơn mức bình quân khoảng 3,7% của giai đoạn trước dịch, cho thấy kinh tế thế giới phục hồi chậm. Căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực, đặc biệt là chiến tranh nổ ra tại Trung Đông, làm gia tăng rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, đẩy giá năng lượng và chi phí vận tải lên cao, kéo theo rủi ro lạm phát quay trở lại. Trong trường hợp lạm phát gia tăng, các ngân hàng trung ương có thể duy trì lãi suất ở mức cao trong thời gian dài hơn, làm suy giảm tiêu dùng hàng dệt may tại các thị trường nhập khẩu lớn.

Bên cạnh rủi ro lạm phát do chi phí năng lượng tăng cao, rủi ro lớn thứ hai đối với hoạt động của Tập đoàn trong năm 2026 là sự gia tăng bất định trong chính sách thương mại quốc tế, đặc biệt từ Hoa Kỳ. Việc áp dụng thuế bổ sung tạm thời theo Mục 122 của Đạo luật Thương mại 1974 (Section 122) và khởi động điều tra theo Mục 301 (Section 301) đối với nhiều đối tác bao gồm Việt Nam, làm gia tăng nguy cơ áp dụng thuế đối với hàng hóa bị kết luận là trung chuyển, trong đó có dệt may xuất khẩu sang Mỹ – thị trường chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của Tập đoàn.

Đồng thời, cạnh tranh từ các quốc gia có chi phí thấp như Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia tiếp tục gia tăng, trong khi chi phí trong nước có xu hướng tăng do điều chỉnh tiền lương, giá điện, giá nhiên liệu và cạnh tranh lao động, khiến điều kiện sản xuất kinh doanh năm 2026 được dự báo khó khăn hơn đáng kể so với năm trước.

Kịch bản dự báo cơ sở trước đây cho thấy nhu cầu hàng hóa dệt may toàn cầu năm 2026 có thể tăng khoảng 3%, được xây dựng trên giả định tại thời điểm cuối năm 2025, khi tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu theo dự báo của WTO trong báo cáo tháng 10/2025 ở mức khoảng 2,6%. Tuy nhiên, sau các biến động bất lợi trong những tháng đầu năm 2026, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông, giá năng lượng tăng mạnh và xu hướng thắt chặt chính sách thương mại, WTO đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu xuống còn khoảng 1,9%. Với mức tăng thấp như vậy, khả năng nhu cầu dệt may toàn cầu duy trì tốc độ tăng 3% là không cao, trong khi đơn giá sản phẩm khó cải thiện, thậm chí có xu hướng giảm do các nhãn hàng yêu cầu nhà sản xuất chia sẻ chi phí phát sinh từ thuế quan, vận tải và nguyên liệu. Đồng thời, Trung Quốc và Ấn Độ đang đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ nhằm phục hồi thị phần đã suy giảm trong năm 2025, làm gia tăng áp lực cạnh tranh về đơn hàng đối với ngành Dệt May Việt Nam.



Trên cơ sở đánh giá bối cảnh trên, HĐQT xác định năm 2026 là năm cần tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng chống chịu trước biến động thị trường và phát huy tối đa hiệu suất các nguồn lực hiện có. HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan điều hành và các đơn vị thành viên bám sát diễn biến thị trường, chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó với rủi ro về thuế quan, chi phí và nhu cầu, đồng thời đẩy mạnh tái cơ cấu, kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất và tăng cường liên kết trong toàn hệ thống.

Chủ đề năm 2026 của Tập đoàn được xác định là “Năm của hiệu suất”, tập trung nâng cao hiệu suất tổng thể của tất cả các nguồn lực hiện có, bao gồm hiệu suất khai thác tài sản, hiệu suất sử dụng vốn, hiệu suất thị trường và đặc biệt là hiệu suất của nguồn nhân lực thông qua tổ chức sản xuất hợp lý hơn và phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Trên tinh thần đó, HĐQT chỉ đạo toàn hệ thống tiếp tục rà soát, sàng lọc các lĩnh vực hiệu quả thấp, tập trung nguồn lực cho các khu vực có năng lực cạnh tranh tốt, nâng cao chất lượng tăng trưởng và hiệu quả sử dụng tài sản; đẩy mạnh chuyển đổi số, hình thành hệ thống quản trị trên nền tảng dữ liệu tập trung; tăng cường nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tại các đơn vị chủ lực; đổi mới công tác đào tạo theo hướng hiện đại, số hóa và gắn với yêu cầu thực tiễn; hoàn thiện cơ chế giao nhiệm vụ và đánh giá bằng các chỉ tiêu định lượng, từng bước thực hiện đãi ngộ theo hiệu quả đóng góp; đồng thời tổ chức chặt chẽ công tác quản trị rủi ro theo hướng chủ động, phòng ngừa từ sớm, từ xa.

Việc triển khai đồng bộ các định hướng trên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố năng lực cạnh tranh và bảo đảm Tập đoàn duy trì ổn định sản xuất kinh doanh năm 2026 trong điều kiện thị trường còn nhiều biến động, tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo. □

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## 1. CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025–2030 được bầu tại Đại hội đồng cổ đông ngày 16/6/2025, gồm 05 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 04 thành viên. Danh sách cụ thể như sau:

| TT | Họ và tên          | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm | Số CP sở hữu tại 31/12/2025 |
|----|--------------------|------------|---------------|-----------------------------|
| 1  | Trần Thị Thu Hằng  | Trưởng Ban | 16/06/2025    | 0                           |
| 2  | Đoàn Thị Thu Hương | TV BKS     | 16/06/2025    | 4.000 CP                    |
| 3  | Đặng Thị Hồng Lê   | TV BKS     | 16/06/2025    | 0                           |
| 4  | Nguyễn Thanh Lê    | TV BKS     | 16/06/2025    | 0                           |
| 5  | Bùi Việt Phương    | TV BKS     | 16/06/2025    | 0                           |

## 2. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Ban kiểm soát thực hiện thù lao theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 và được phản ánh đầy đủ trong Báo cáo tài chính.

Chi phí hoạt động được quản lý, sử dụng đúng quy định và quy chế nội bộ.

## 3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 06 phiên họp chính thức, với 100% thành viên tham dự và nhất trí thông qua các báo cáo kiểm soát.

Nội dung các phiên họp bao gồm: Thông qua báo cáo kiểm soát hàng quý và báo cáo năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới; Lựa chọn và trình phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Trong suốt năm 2025, Ban kiểm soát đã triển khai đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định, cụ thể: Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị định kỳ; Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Soát xét các giao dịch trọng yếu với bên liên quan; Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia ý kiến độc lập.

Bên cạnh các nhiệm vụ theo quy định, Ban kiểm soát đã tăng cường hoạt động giám sát theo hướng chủ động, chuyên sâu và gắn với tình hình thực tế: Thực hiện đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính tại các đơn vị thành viên, kịp thời nhận diện các tồn tại, rủi ro và kiến nghị giải pháp xử lý; Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động theo từng lĩnh vực tại Công ty mẹ, góp phần

nâng cao chất lượng quản trị và điều hành; Phối hợp rà soát, sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ của Tập đoàn; Tổ chức hướng dẫn, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ kiểm soát và tài chính – kế toán tại các đơn vị, từng bước nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống; Giám sát công tác chỉ đạo, đánh giá người đại diện vốn của Tập đoàn tại các doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư.



## 4. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NHƯ SAU:

### 4.1 Giám sát hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã ban hành 23 Nghị quyết và 13 Quyết định, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định.

Hội đồng quản trị duy trì cơ chế làm việc thường xuyên với Ban điều hành, kịp thời ban hành quyết sách phù hợp; chỉ đạo triển khai chiến dịch “90 ngày làm việc thần tốc”, góp phần tận dụng cơ hội thị trường và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Trong công tác quản trị, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống Điều lệ và quy chế nội bộ, tổ chức Đại hội đồng cổ đông tại công ty mẹ và giám sát việc tổ chức tại các đơn vị thành viên theo đúng quy định. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị định hướng triển khai các nội dung mang tính chiến lược như kiện toàn tổ chức, thúc đẩy chuyển đổi số và áp dụng KPIs trong đánh giá hiệu quả hoạt động.

Hoạt động quản trị rủi ro được tăng cường thông qua phân tích, dự báo thị trường và hệ thống dữ liệu quản trị, qua đó nâng cao năng lực ứng phó và chủ động trong điều hành.

Công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo minh bạch.

Nhìn chung, các hoạt động của Hội đồng quản trị được triển khai đồng bộ, tuân thủ quy định và bám sát thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và củng cố nền tảng quản trị của Tập đoàn.



4.2 Giám sát hoạt động Ban điều hành

Năm 2025, Ban điều hành đã chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn hệ thống được duy trì ổn định và đạt kết quả tích cực:

4.2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                  | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | % Kế hoạch | % Năm 2024 |
|---------------------------|----------------|---------------|----------------|------------|------------|
| <b>KẾT QUẢ HỢP NHẤT</b>   |                |               |                |            |            |
| - Tổng doanh thu          | 18.369         | 18.315        | 19.486         | 106,4%     | 106,1%     |
| - Lợi nhuận trước thuế    | 835            | 910           | 1.480          | 162,6%     | 177,2%     |
| <b>KẾT QUẢ CÔNG TY MẸ</b> |                |               |                |            |            |
| - Tổng doanh thu          | 2.241          | 2.440         | 2.523          | 103,4%     | 112,6%     |
| - Lợi nhuận trước thuế    | 156            | 190           | 219            | 115,3%     | 140,4%     |

Mặc dù bối cảnh thị trường hết sức phức tạp, đặc biệt là chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ, kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn vẫn tăng trưởng vượt bậc, đạt mức cao nhất từ trước tới nay.

**Ngành may:** tận dụng cơ hội đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu trước thời điểm Hoa Kỳ áp thuế mới, 100% đơn vị hoàn thành và vượt kế hoạch lợi nhuận, với tổng lợi nhuận trước thuế của tất cả các đơn vị đạt 2.232,3 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2024.

**Ngành sợi:** sau nhiều năm khó khăn, ngành sợi năm 2025 đã có lãi 197 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch, tăng 285 tỷ đồng so với năm 2024 (lỗ 90 tỷ đồng). Kết quả trên không chỉ đến từ sự cải thiện của thị trường mà còn phản ánh hiệu quả điều hành của Tập đoàn thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp: tối ưu chiến lược mua nguyên liệu theo diễn biến thị trường, tăng cường liên kết nội bộ, bảo đảm nguồn lực tài chính cho sản xuất ổn định, hoàn thiện công tác quản trị, qua đó nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

Kết quả đạt được trong năm 2025 chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn. Ngoại trừ một số đơn vị đã tạm dừng hoạt động, toàn Tập đoàn không còn đơn vị phát sinh lỗ, qua đó khẳng định sự cải thiện thực chất về hiệu quả hoạt động và chất lượng tăng trưởng.



4.2.2 Tình hình tài chính

❖ *Đánh giá việc thực hiện chế độ kế toán và lập báo cáo tài chính:*

Tập đoàn đã lập và công bố đầy đủ báo cáo tài chính quý, bán niên và năm, đúng thời hạn và tuân thủ quy định đối với công ty đại chúng.

Báo cáo tài chính năm 2025 (bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Ban kiểm soát đánh giá công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính được thực hiện thận trọng, tuân thủ quy định và đảm bảo độ tin cậy. Đồng thời xác nhận số liệu tài chính trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành phù hợp với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

❖ *Đánh giá tình hình tài chính:*

Năm 2025, tình hình tài chính của Tập đoàn tiếp tục được duy trì theo hướng an toàn và hiệu quả hơn.

+ Theo Báo cáo tài chính hợp nhất

| Chỉ tiêu                              | Năm 2024 | Năm 2025 | Biến động       |
|---------------------------------------|----------|----------|-----------------|
| Tổng tài sản / Nguồn vốn (tỷ đồng)    | 19.266   | 20.555   | +1.289 (+6,7%)  |
| Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)              | 9.204    | 10.006   | +802 (+8,7%)    |
| Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)            | 10.061   | 10.549   | +488 (+4,8%)    |
| Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu              | 1,09     | 1,05     | -0,04 (-4%)     |
| ROE (LNST/Vốn chủ sở hữu)             | 7,2%     | 13,8%    | Tăng 6,6 điểm % |
| Z Score                               | 2,48     | 3,07     | +0,58 (+23%)    |
| Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (đồng) | 18.409   | 20.011   | +1.602 (+8,7%)  |

Các chỉ số tài chính cải thiện đáng kể, cơ cấu vốn hợp lý và hiệu quả sinh lời tăng mạnh.

Tuy nhiên, trong hệ thống vẫn còn một số đơn vị ngành sợi gặp khó khăn về tài chính sau giai đoạn dài suy giảm; mặc dù đã có cải thiện trong năm nhưng cần tiếp tục theo dõi và có giải pháp củng cố.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu: 20.011 đồng, tăng 8,7%, góp phần gia tăng giá trị cho cổ đông.



+ Theo báo cáo tài chính riêng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2024 | Năm 2025 | Biến động       |
|------------------------------------|----------|----------|-----------------|
| Tổng tài sản / Nguồn vốn (tỷ đồng) | 8.284    | 7.937    | -347 (-4,2%)    |
| Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)           | 5.775    | 5.832    | +57 (+1%)       |
| Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)         | 2.509    | 2.106    | -403 (-16%)     |
| Hệ số khả năng thanh toán          | 2,86     | 2,64     | -0,22 (-8%)     |
| Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu           | 0,43     | 0,36     | -0,07 (-17%)    |
| ROE (LNST/Vốn chủ sở hữu)          | 2,7%     | 3,8%     | Tăng 1,1 điểm % |

Công ty mẹ đã chủ động giảm nợ vay, thông qua việc trả trước 540 tỷ đồng khoản vay ADB, giúp giảm đáng kể đòn bẩy tài chính và củng cố dòng tiền. Khả năng thanh toán duy trì ở mức an toàn; hiệu quả hoạt động được cải thiện.

Các khoản công nợ được quản lý chặt chẽ; các rủi ro tiềm ẩn đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

Nhìn chung, nền tảng tài chính của Tập đoàn được củng cố vững chắc, cơ cấu vốn an toàn hơn và tạo dư địa cho tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

❖ *Giao dịch với các bên liên quan:*

Các giao dịch được thực hiện đúng quy định, minh bạch; không ghi nhận xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng bất lợi đến cổ đông.



4.2.3 Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản

Dự án Cao ốc văn phòng – Căn hộ Vinatex Building (TP.HCM) đã hoàn thành và đưa vào khai thác từ đầu năm 2026, hiện đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án.

Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 2 và Dự án Khu liên hợp Sợi – May Quế Sơn, Quảng Nam đang chậm tiến độ chủ yếu vì thị trường diễn biến tiêu cực. Tuy nhiên, Ban điều hành cần sớm có phương án cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư và tuân thủ thời hạn được phê duyệt.



4.3 Phối hợp giữa Ban kiểm soát – Hội đồng quản trị – Ban điều hành – Cổ đông

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành được thực hiện hiệu quả; thông tin được cung cấp đầy đủ, kịp thời. Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại từ cổ đông.

Qua giám sát, Ban kiểm soát không phát hiện sai phạm trọng yếu hoặc dấu hiệu bất thường, đồng thời ghi nhận sự cải thiện rõ nét về chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động.



5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026:

Năm 2026 dự báo tiếp tục có nhiều biến động về thị trường và chính sách; Ban kiểm soát sẽ tăng cường giám sát theo hướng chủ động, gắn với quản trị rủi ro và hiệu quả hoạt động.

Trọng tâm bao gồm: giám sát việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; thẩm định báo cáo tài chính và công bố thông tin; giám sát các lĩnh vực trọng yếu như

quản trị vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh và kiểm soát chi phí; theo dõi đơn vị khó khăn; giám sát các dự án đầu tư; nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, gắn với hoàn thiện hệ thống dữ liệu và báo cáo quản trị; tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ kiểm soát và tài chính – kế toán và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.□

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

## I. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2025

Giai đoạn 2020–2024, kinh tế Việt Nam và thế giới đối mặt với nhiều cú sốc lớn: đại dịch Covid-19 gây suy thoái sâu rộng; bất ổn địa chính trị kéo dài làm gián đoạn thương mại; lạm phát duy trì ở mức cao, làm chậm quá trình phục hồi và suy giảm nhu cầu tiêu dùng, tác động tiêu cực tới ngành dệt may.

Bước sang năm 2025, trong nước ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Kinh tế Việt Nam duy trì ổn định vĩ mô và tăng trưởng cao, với GDP đạt 8,02%, quy mô vượt 514 tỷ USD, đứng thứ 32 thế giới. Lạm phát được kiểm soát (CPI tăng 3,31%, lạm phát cơ bản 3,21%). Chính sách tài khóa và tiền tệ được điều hành linh hoạt, hỗ trợ hiệu quả cho sản xuất và tiêu dùng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng khoảng 9,5%; đặc biệt xuất khẩu tăng trưởng ấn tượng 16%, xuất siêu đạt kỷ lục 16,8 tỷ USD. Đồng thời, các động lực tăng trưởng mới như kinh tế số, đổi mới sáng tạo và năng lượng tái tạo tiếp tục được thúc đẩy.

Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Căng thẳng thương mại, bất ổn chính sách và xung đột địa chính trị gia tăng, làm suy giảm triển vọng tăng trưởng toàn cầu. Năm 2025, kinh tế thế giới chỉ tăng khoảng 3,2% (theo IMF, OECD), với sự phân hóa rõ nét giữa các khu vực. Đáng chú ý, chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ từ tháng 4/2025 đã tạo cú sốc lan tỏa tới chuỗi cung ứng toàn cầu, làm gia tăng chi phí, tái cấu trúc thương mại và ảnh hưởng trực tiếp tới các ngành xuất khẩu, trong đó có dệt may.



Đối với ngành dệt may, áp lực ngày càng gia tăng từ nhiều phía: rào cản “tiêu chuẩn xanh” của EU, chi phí đầu vào tăng, thiếu hụt lao động cục bộ, cùng với biến động khó lường từ chính sách thuế của Hoa Kỳ – thị trường chiếm khoảng 40% kim ngạch xuất khẩu. Những yếu tố này dẫn đến rủi ro dịch chuyển đơn hàng, thay đổi tập quán đặt hàng, thu hẹp biên lợi nhuận và gia tăng yêu cầu kiểm soát xuất xứ.

Dù vậy, trong bối cảnh nhiều thách thức, ngành Dệt May Việt Nam nói chung và Vinatex nói riêng vẫn đạt kết quả tích cực. Xuất khẩu dệt may cả nước ước đạt 46,4 tỷ USD, tăng 6% so với năm 2024; xuất siêu đạt kỷ lục 21 tỷ USD; tỷ lệ nội địa hóa đạt 52%, phản ánh sự cải thiện về chất lượng tăng trưởng. Các thị trường chủ lực duy trì đà tăng: Hoa Kỳ đạt 18,6 tỷ USD (+11,7%), thị phần đạt 21,1%; EU tăng khoảng 8,5%; Nhật Bản tăng nhẹ; Hàn Quốc và Trung Quốc giảm không đáng kể.

Kết quả trên đến từ khả năng thích ứng linh hoạt của toàn ngành, chủ động tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và kiểm soát hiệu quả tác động từ biến động thuế quan. Thực tiễn năm 2025 cho thấy, trong bối cảnh địa chính trị và địa kinh tế biến động, năng lực điều hành, tốc độ ra quyết định và mức độ chấp nhận rủi ro có kiểm soát là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động.

## II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025

Mặc dù thị trường dệt may thế giới năm 2025 nhiều biến động, với sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐQT, sự điều hành chủ động, linh hoạt của HĐQT và nỗ lực của toàn hệ thống, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đạt kết quả SXKD cải thiện rõ rệt và toàn diện so với năm 2024, cả về quy mô, hiệu quả và chất lượng tăng trưởng.

Lợi nhuận hợp nhất đạt 1.480 tỷ đồng, vượt mức lợi nhuận kỷ lục năm 2021 (1.450 tỷ đồng), tăng trưởng 77% so với cùng kỳ và vượt 63% so với kế hoạch. Đáng chú ý, lần đầu tiên sau 5 năm, toàn bộ các ngành trong hệ thống đều ghi nhận có lãi, thể hiện sự phục hồi đồng đều trên toàn chuỗi sản xuất.

Động lực tăng trưởng đến từ sự cải thiện mạnh mẽ của các ngành sản xuất chủ lực: ngành May tăng tuyệt đối gần 270 tỷ đồng so với năm 2024; ngành Sợi chuyển từ lỗ (-90 tỷ) năm 2024 sang lãi 197 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế gấp hơn 6 lần so với kế hoạch.

Kết quả SXKD của Công ty mẹ và hợp nhất được thể hiện tại các biểu dưới đây:

Kết quả công ty Mẹ:

| STT | Chỉ tiêu              | Năm 2024 | Năm 2025 |       | So sánh |        |
|-----|-----------------------|----------|----------|-------|---------|--------|
|     |                       |          | KH ĐHĐCĐ | TH    | TH/KH   | TH/CK  |
| 1   | Doanh thu và thu nhập | 2.241    | 2.440    | 2.523 | 103,4%  | 112,6% |
| 2   | Tổng chi phí          | 2.085    | 2.250    | 2.304 | 102,4%  | 110,5% |
| 3   | LNTT                  | 156      | 190      | 219   | 115,3%  | 140,4% |

Kết quả kinh doanh hợp nhất:

| STT | Chỉ tiêu              | Năm 2024 | Năm 2025 |        | So sánh |        |
|-----|-----------------------|----------|----------|--------|---------|--------|
|     |                       |          | KH ĐHĐCĐ | TH     | TH/KH   | TH/CK  |
| 1   | Doanh thu và thu nhập | 18.369   | 18.315   | 19.486 | 106,4%  | 106,1% |
| 2   | Tổng chi phí          | 17.533   | 17.405   | 18.006 | 103,5%  | 102,7% |
| 3   | LNTT                  | 835      | 910      | 1.480  | 162,6%  | 177,2% |
|     | Trong đó:             |          |          |        |         |        |
|     | Ngành sợi             | -90      | 31       | 197    | 633,3%  | -      |
|     | Ngành may             | 664      | 589      | 931    | 158,1%  | 140,3% |



Tình hình tài chính của Tập đoàn tiếp tục được duy trì lành mạnh:

- ✓ Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,34 (>1), đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn.
- ✓ Khả năng sinh lời cải thiện rõ rệt: ROA tăng từ 3,4% lên 6,6%; ROE từ 7,1% lên 13,7%, phản ánh hiệu quả quản trị và tổ chức sản xuất được nâng cao.
- ✓ Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ở mức 1,05 lần, tiếp tục giảm so với năm 2024 và nằm trong ngưỡng an toàn, cho thấy việc kiểm soát đòn bẩy tài chính hiệu quả.

(Biểu các chỉ số tài chính theo Báo cáo tài chính hợp nhất)



| Chỉ tiêu                                  | 2024     | 2025     | So sánh |
|-------------------------------------------|----------|----------|---------|
| <b>KHẢ NĂNG THANH TOÁN</b>                |          |          |         |
| 1. Hệ số thanh toán ngắn hạn              | 1,35     | 1,34     | 99,0%   |
| 2. Hệ số thanh toán nhanh                 | 0,90     | 0,91     | 101,5%  |
| <b>HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG</b>                |          |          |         |
| 1. Hiệu suất sử dụng tài sản              | 3,03     | 3,48     | 114,6%  |
| 2. Ngày tồn kho bình quân                 | 75 ngày  | 76 ngày  | 101,5%  |
| 3. Ngày thu tiền bình quân                | 58 ngày  | 54 ngày  | 94,4%   |
| 4. Ngày trả tiền bình quân                | 236 ngày | 231 ngày | 97,8%   |
| 5. Vòng quay Vốn lưu động                 | 1,87     | 1,81     | 96,9%   |
| <b>KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH</b>          |          |          |         |
| 1. Hệ số tổng nợ phải trả / Tổng tài sản  | 0,52     | 0,51     | 98,7%   |
| 2. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu              | 1,08     | 1,05     | 97,4%   |
| 3. Khả năng tài trợ vốn dài hạn (tỷ đồng) | 2.485    | 2.720    | 109,5%  |
| <b>KHẢ NĂNG SINH LỜI</b>                  |          |          |         |
| 1. Tỷ lệ lãi sau thuế (ROA)               | 3,4%     | 6,6%     | 194,5%  |
| 2. Tỷ lệ lãi ròng (ROE)                   | 7,2%     | 13,8%    | 192,9%  |



Bên cạnh các chỉ tiêu SXKD, Tập đoàn cũng đạt được một số kết quả nổi bật trên các mặt công tác:

Công tác nhân sự

Trong năm 2025, công tác quản trị nhân sự của Tập đoàn được triển khai nhất quán theo hướng ổn định lực lượng, nâng cao chất lượng và tối ưu hóa cơ cấu. Tổng số lao động bình quân đạt 53.825 người, giảm 3,6% so với năm 2024, đạt 96,5% kế hoạch. Việc tinh chỉnh giảm lao động này không chỉ phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu mà còn góp phần trực tiếp vào nâng cao hiệu quả SXKD tại các đơn vị thành viên, góp phần cải thiện hiệu quả chung của Tập đoàn. Song song với việc tinh gọn, Tập đoàn chú trọng tuyển dụng có chọn lọc và đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu, đặc biệt là các vị trí kỹ thuật và quản lý sản xuất.

Thu nhập bình quân năm 2025 đạt 12,14 triệu đồng/người/tháng, bằng 107% so với năm 2024 và 105% so với kế hoạch, phản ánh sự cải thiện thực chất về hiệu quả SXKD và năng suất lao động. Các chính sách phúc lợi tiếp tục được duy trì, góp phần ổn định quan hệ lao động và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.



Công tác thị trường

Năm 2025, cơ cấu thị trường xuất khẩu của Vinatex tiếp tục chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa, với tỷ trọng gia tăng tại một số thị trường mới như Trung Đông, Nam Mỹ và Nam Á. Dù quy mô còn khiêm tốn so với các thị trường truyền thống, các khu vực này ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực, góp phần mở rộng tệp khách hàng và giảm phụ thuộc vào các thị trường lớn.

Cơ cấu thị trường giữa các ngành có sự khác biệt rõ nét: ngành May tập trung vào Mỹ, EU, Nhật Bản; trong khi ngành Sợi và Dệt chủ yếu hướng tới thị trường châu Á. Xu hướng mở rộng thị trường tiếp tục được duy trì, qua đó nâng cao khả năng thích ứng của Tập đoàn trước biến động thương mại toàn cầu.



Công tác đầu tư

Năm 2025, Tập đoàn triển khai 46 dự án với tổng mức đầu tư khoảng 2.497 tỷ đồng (Công ty mẹ: 09 dự án; đơn vị thành viên: 37 dự án), chủ yếu tập trung vào đầu tư chiều sâu, bổ sung thiết bị và cải tạo nhà xưởng. Một số dự án sau khi hoàn thành đã nhanh chóng phát huy hiệu quả, tiêu biểu như Dự án đầu tư thay thế thiết bị Nhà máy 2 của Công ty CP Sợi Phú Bài đưa vào vận hành từ tháng 10/2025, Dự án mở rộng nhà xưởng sợi Ninh Phú của Tổng Công ty CP Phong Phú đưa vào vận hành từ tháng 02/2026. Các dự án góp phần nâng cao năng lực sản xuất, với ngành Sợi tăng thêm khoảng 3.549 tấn/năm và ngành May tăng thêm khoảng 1,52 triệu sản phẩm/năm.

Các dự án đầu tư chiều sâu tập trung vào máy móc thiết bị tiên tiến, tỷ lệ tự động hóa cao, số hóa quản trị... góp phần giảm định mức lao động, tối ưu hiệu quả thiết bị, gia tăng năng suất và kiểm soát chi phí, nhờ đó tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) được cải thiện đáng kể.

Nghiên cứu & phát triển

Hoạt động R&D tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung vào các dòng vải kỹ thuật cao như vải từ sợi chống cháy đa thành phần, tích hợp các loại xơ chức năng (chống cháy, chống tĩnh điện, Pima, xơ kỹ thuật...). Bên cạnh các dòng vải nhuộm truyền thống, Tập đoàn phát triển các sản phẩm dope dyed từ aramid, modacrylic, nylon/rayon FR, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khắt khe. Các đơn vị sản xuất cũng chủ động nghiên cứu phát triển và đưa vào sản xuất các sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu thị trường và mang lại giá trị gia tăng cao hơn.



Chuyển đổi số

Tập đoàn tiếp tục triển khai chương trình chuyển đổi số theo hướng xây dựng hệ thống quản trị dựa trên dữ liệu. Các giải pháp IoT từng bước được áp dụng để kết nối trực tiếp thiết bị sản xuất, thu thập dữ liệu thời gian thực và tích hợp vào hệ thống quản trị, phục vụ giám sát và tối ưu vận hành. Đồng thời, Tập đoàn đã xây dựng và ban hành Khung Chiến lược Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2035, định hướng phát triển nền tảng quản trị số thống nhất theo mô hình “One VINATEX Operating System”.



III. NHỮNG ĐIỂM SÁNG TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2025

Kết quả đạt được trong năm 2025 không chỉ đến từ sự phục hồi của thị trường mà còn phản ánh rõ nét hiệu quả trong công tác điều hành của Tập đoàn:

✓ CQĐH đã chủ động cụ thể hóa các định hướng, chỉ đạo của HĐQT, bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra dự báo và chỉ đạo định hướng, giúp toàn hệ thống chủ động ứng phó, đặc biệt trước biến động chính sách thuế của Hoa Kỳ. Chiến dịch “90 ngày tăng tốc” được triển khai hiệu quả, góp phần tối ưu kết quả sản xuất kinh doanh trong quý 2.

✓ Năng lực điều hành linh hoạt được phát huy rõ nét, lãnh đạo Tập đoàn và các đơn vị đã thể hiện rõ tinh thần chủ động, sáng tạo trong điều hành, đưa ra những quyết sách nhanh chóng, chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất - tiêu thụ, tăng cường phối hợp chuỗi cung ứng nội bộ, qua đó hạn chế tác động bất lợi từ chính sách thuế quan và biến động thị trường quốc tế.

✓ Vai trò điều phối, dẫn dắt của các Ban SXKD được tăng cường, thúc đẩy kết nối hệ thống, chia sẻ thông tin thị trường, kinh nghiệm quản trị và giải pháp điều hành tại các đơn vị.

✓ Quản trị tài chính và dòng tiền chặt chẽ, đảm bảo nguồn lực ổn định cho sản xuất và đầu tư.

✓ Đẩy mạnh quản trị dựa trên dữ liệu, góp phần tối đa năng suất, tối ưu hóa công tác quản trị, kiểm soát chi phí đồng thời nâng cao chất lượng và tốc độ ra quyết định.

✓ Khối Nhân sự được thành lập trong năm 2025, giúp tăng năng lực cho đội ngũ quản trị nguồn nhân lực tại đơn vị, hỗ trợ chuẩn bị nguồn nhân lực kế cận cho giai đoạn 2025-2030.

Nhìn chung, năm 2025 đánh dấu bước chuyển rõ nét từ phục hồi sang tăng trưởng có chất lượng, với hiệu quả điều hành được nâng cao và nền tảng phát triển bền vững của Tập đoàn từng bước được củng cố.



IV. TRIỂN VỌNG NĂM 2026

Trên nền tảng kết quả đạt được trong năm 2025, Tập đoàn bước vào năm 2026 với nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức.

1. Tình hình thị trường

Tiếp nối đà phục hồi từ cuối năm 2025, ngành dệt may được dự báo có quý 1/2026 tương đối thuận lợi nhờ các đơn hàng đã được chốt sớm. Tuy nhiên, triển vọng cả năm vẫn đối mặt với nhiều thách thức khi kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm và thương mại quốc tế tiếp tục suy yếu. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh hiện tại đã xuất hiện nhiều yếu tố bất lợi hơn so với năm trước bởi rủi ro thuế quan của Mỹ và tác động từ cuộc chiến tranh khu vực Trung Đông.

Về môi trường vĩ mô, các tổ chức quốc tế đều dự báo tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu năm 2026 ở mức thấp hơn giai đoạn trước dịch. Đáng chú ý, thương mại hàng hóa toàn cầu chỉ được dự báo tăng khoảng 1,9%. Các rủi ro lớn bao gồm căng thẳng địa chính trị, xu hướng bảo hộ, bất định chính sách thương mại và nguy cơ lạm phát quay trở lại, tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ và EU. Tổng cầu dệt may thế giới dự báo chỉ tăng nhẹ khoảng 3%, với xu hướng tiêu dùng thận trọng tại các thị trường lớn.

Bên cạnh đó, các yếu tố địa chính trị và chính sách tiếp tục là biến số lớn. Diễn biến mới từ cuối tháng 02/2026, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông và các động thái chính sách thương mại từ Hoa Kỳ, tiếp tục làm gia tăng bất định. Giá dầu tăng mạnh kéo theo chi phí năng lượng, nguyên liệu và vận tải đồng loạt leo thang, trong đó cước vận tải quốc tế tăng khoảng 30% và nhiều tuyến vận chuyển bị kéo dài thời gian giao hàng. Điều này gây áp lực lớn lên chi phí sản xuất, đặc biệt tại các khâu tiêu thụ nhiều năng lượng như sợi, dệt và nhuộm, đồng thời làm thu hẹp biên lợi nhuận.

Song song, chính sách thuế của Hoa Kỳ là yếu tố rủi ro lớn nhất đối với triển vọng năm 2026. Việc khởi động điều tra theo Section 301 đối với Việt Nam mở ra khả năng áp dụng các biện pháp thuế cao và kéo dài, với mức thuế tiềm năng có thể lên tới 30–40%. Với tỷ trọng thị trường Hoa Kỳ chiếm khoảng 44–45% kim ngạch xuất khẩu, các biện pháp này nếu được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh, đặc biệt từ nửa cuối năm 2026.



Đối với nền kinh tế Việt Nam, mặc dù năm 2026 được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nền tảng vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát và các động lực tăng trưởng như đầu tư công, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với thách thức từ nhu cầu bên ngoài suy yếu, áp lực tỷ giá và chi phí vốn, đòi hỏi tiếp tục điều hành chính sách linh hoạt để ổn định và tăng trưởng bền vững.

Trong bối cảnh đó, ngành Dệt May Việt Nam nói chung và Vinatex nói riêng dự kiến đối mặt với một số xu hướng chính:

✓ Chuyển từ cạnh tranh về quy mô sang hiệu quả: Ngành dệt may Việt Nam đang bước vào giai đoạn không còn nhiều dư địa tăng trưởng theo chiều rộng. Quy mô thị trường toàn cầu tăng chậm, với tổng giá trị nhập khẩu dệt may (không bao gồm nội khối EU) chỉ tăng từ khoảng 680 tỷ USD năm 2015 lên 870 tỷ USD năm 2025, tương ứng tốc độ bình quân khoảng 2,5%/năm (chưa loại trừ lạm phát). Điều này cho thấy khả năng mở rộng nhanh về sản lượng và doanh thu trong thời gian tới là hạn chế.

✓ Áp lực cạnh tranh nguồn cung ngày càng gia tăng khi các quốc gia có lợi thế chi phí thấp như Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia, Pakistan tiếp tục mở rộng sản xuất. Việt Nam dần mất lợi thế về lao động giá rẻ, với mức lương bình quân thuộc nhóm cao trong các nước xuất khẩu lớn, trong khi nguồn lao động phổ thông suy giảm và cạnh tranh nhân lực với các ngành công nghiệp khác ngày càng gay gắt.

✓ Áp lực chi phí và biên lợi nhuận: Giá năng lượng và nguyên liệu (xơ, sợi) biến động khó lường; chi phí logistics duy trì ở mức cao ước tính tăng tới 20%, thời gian vận chuyển kéo dài. Ở trong nước, lương tối thiểu vùng đã tăng từ 01/01/2026, lãi vay cũng tăng cao và được dự báo bình quân năm 2026 tăng khoảng 20%. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có khả năng tiếp tục phải chia sẻ chi phí thuế đối ứng với khách hàng, khiến biên lợi nhuận bị thu hẹp.

✓ Thay đổi hành vi đặt hàng: Khách hàng có xu hướng đặt hàng nhỏ, yêu cầu giao hàng nhanh, tiêu chuẩn chất lượng cao và ưu tiên các nhà cung cấp có năng lực cung ứng trọn gói (FOB, ODM).

✓ Gia tăng yêu cầu về phát triển bền vững: Các tiêu chuẩn “xanh”, truy xuất nguồn gốc và giảm phát thải (đặc biệt tại EU) sẽ trở thành điều kiện bắt buộc, thay vì lợi thế cạnh tranh.

Nhìn chung, năm 2026 được dự báo là giai đoạn ngành dệt may chuyển mạnh sang cạnh tranh bằng chất lượng tăng trưởng, năng lực quản trị và khả năng thích ứng, thay vì dựa vào mở rộng quy mô như trước đây.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026

Trong bối cảnh thế giới đầy biến động với rủi ro thuế quan từ thị trường Hoa Kỳ, bất ổn địa chính trị mới phát sinh và áp lực chi phí đầu vào leo thang, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tập đoàn được xây dựng trên quan điểm: thận trọng trong dự báo; phản ánh đúng các rủi ro lớn của thị trường từ quý 2, đặc biệt trong nửa cuối năm 2026; linh hoạt trong điều hành; thực chất trong tăng trưởng. Tăng trưởng không chỉ thông qua mở rộng doanh thu, mà tập trung vào các yếu tố thực chất hơn như gia tăng giá trị thặng dư và cải thiện thu nhập người lao động. Theo đó, Tập đoàn đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Kết quả Công ty Mẹ:

| TT | Nội dung             | TH 2025 | KH 2026 | So sánh KH26/TH25 |
|----|----------------------|---------|---------|-------------------|
| 1  | Doanh thu & thu nhập | 2.523   | 2.800   | 111,0%            |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | 219     | 260     | 119,0%            |



- Kết quả hợp nhất:

| TT | Nội dung             | TH 2025 | KH 2026 | So sánh<br>KH26/TH25 |
|----|----------------------|---------|---------|----------------------|
| 1  | Doanh thu & thu nhập | 19.486  | 20.500  | 105,2%               |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | 1.480   | 1.380   | 93,2%                |

Lợi nhuận hợp nhất cả năm chỉ đạt 1.380 tỷ đồng bằng 93,2% so với cùng kỳ, nhưng trên thực tế, nếu loại trừ lợi nhuận do yếu tố khách quan của năm 2025 mang lại (khoảng 227 tỷ đồng) thì kế hoạch lợi nhuận hợp nhất năm 2026 tăng 10,1% so với cùng kỳ.

3. Các mục tiêu chiến lược và giải pháp trọng tâm

Những nhận định trên cho thấy, giai đoạn tới sẽ đặc trưng bởi sự dịch chuyển của các động lực tăng trưởng mới: từ mở rộng quy mô sang nâng cao hiệu quả; từ lợi thế chi phí sang năng lực công nghệ và quản trị; từ tăng trưởng ngắn hạn sang phát triển bền vững. Trong bối cảnh đó, chuỗi giá trị bền vững, nguồn nhân lực chất lượng cao, các giải pháp quản trị thông qua dữ liệu và công nghệ số ngày càng đóng vai trò là những trụ cột then chốt của tăng trưởng.

Trước yêu cầu đó, Vinatex đã và đang chủ động chuẩn bị các động lực tăng trưởng mang tính dài hạn. Với định hướng của Hội đồng Quản trị, nhằm tạo đà bứt phá cho giai đoạn 2025–2030, Tập đoàn xác định năm 2026 là “Năm của Hiệu suất”, tập trung nâng cao hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả trong toàn hệ thống.



Trên cơ sở những kết quả và kinh nghiệm điều hành năm 2025, đồng thời trước các yêu cầu mới của thị trường trong giai đoạn tới, Tập đoàn xác định các mục tiêu và giải pháp trọng tâm cho năm 2026 như sau:

✓ **Nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP):** Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống quản trị, chuẩn hóa quy trình, tăng cường tự động hóa, ứng dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm năng lượng nhằm nâng cao năng suất và giảm chi phí, qua đó cải thiện hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tập đoàn. Mục tiêu TFP năm 2026 tăng trên 5%, cao hơn đáng kể mức bình quân của nền kinh tế trong những năm gần đây (2,5-3%).

✓ **Giữ ổn định và nâng cao đời sống cho lực lượng lao động:** Ổn định lao động, nâng cao năng suất và chất lượng nhân sự, phấn đấu tăng thu nhập bình quân trên 10% gắn với hiệu quả công việc. Đồng thời, triển khai cơ chế đãi ngộ cạnh tranh, gắn với phát triển văn hóa doanh nghiệp nhằm thu hút, giữ chân và phát huy nhân tài. Triển khai quy hoạch cán bộ và phát triển đội ngũ kế thừa giai đoạn 2026–2030, xây dựng nguồn nhân lực chiến lược đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển bền vững.

✓ **Quản trị chủ động dòng tiền:** tối ưu vốn lưu động, kiểm soát rủi ro tỷ giá và lãi suất. Đẩy mạnh số hóa báo cáo, xây dựng hệ thống dashboard tài chính theo thời gian thực; đồng thời triển khai các giải pháp hỗ trợ, tái cấu trúc tài chính cho các đơn vị.

✓ **Đa dạng thị trường, tăng cường liên kết chuỗi cung ứng:** Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc quá lớn vào thị trường Mỹ và Trung Quốc. Tăng cường liên kết nội bộ từ sợi – dệt – may, gia tăng tỷ lệ sử dụng nguyên liệu trong hệ thống. Cơ cấu lại sản phẩm theo hướng giảm hàng phổ thông, phát triển các dòng sợi và sản phẩm may có giá trị gia tăng cao. Đây là nền tảng để giảm phụ thuộc bên ngoài, từng bước chuyển dịch sang các phương thức sản xuất cao hơn (ODM, OBM) và cải thiện biên lợi nhuận.

✓ **Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm:** Tập trung phát triển các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, khác biệt về công nghệ và tính năng. Mô hình “nghiên cứu tập trung – sản xuất phân tán” tiếp tục được triển khai, trong đó các đơn vị chủ lực đảm nhiệm R&D và chuyển giao trong toàn hệ thống. Ưu tiên đầu tư công nghệ tự động trong ngành sợi và may; thúc đẩy sản xuất xanh và tiết kiệm năng lượng.

✓ **Thúc đẩy chuyển đổi số:** Tập trung xây dựng và vận hành hiệu quả trung tâm dữ liệu tập trung, hoàn thiện hạ tầng quản trị số tại các đơn vị trọng yếu. Tiếp tục triển khai phần mềm Nhân sự vHRM và phát triển các hệ thống MES, CRM, SCM, PLM gắn với mở rộng ứng dụng IoT. Qua đó, nâng cao năng lực giám sát, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ ra quyết định nhanh, chính xác dựa trên dữ liệu. □



# QUẢN TRỊ RỦI RO



## I. BỐI CẢNH RỦI RO NĂM 2025

Năm 2025, môi trường kinh doanh của ngành Dệt May Việt Nam chứng kiến nhiều biến động lớn và bất ngờ. Khác với những năm trước khi rủi ro chủ yếu mang tính tiềm ẩn, năm nay nhiều rủi ro đã trở thành sự kiện thực tế, tác động trực tiếp đến doanh thu, chi phí và kế hoạch sản xuất của toàn Tập đoàn. Ba nhóm áp lực chính đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.

### Chính sách thuế quan Mỹ

Tháng 4/2025, Mỹ công bố mức thuế đối ứng 46% đối với hàng hóa Việt Nam. Sau đàm phán song phương, mức thuế được điều chỉnh xuống 20% và có hiệu lực từ ngày 7/8/2025. Mức này vẫn cao hơn các đối thủ cạnh tranh trực tiếp như Indonesia, Campuchia (19%) và Thổ Nhĩ Kỳ (15%). Trong giai đoạn tháng 8-9/2025, xuất khẩu dệt may sang Mỹ giảm khoảng 20% so với cùng kỳ. Các nhà đặt hàng Mỹ thay vì ký hợp đồng dài hạn để doanh nghiệp chủ động lên kế hoạch sản xuất, họ chuyển sang đặt hàng từng đợt nhỏ với thời hạn ngắn hơn – khiến việc tổ chức sản xuất và sử dụng lao động hiệu quả trở nên khó khăn hơn đáng kể.



### Bất ổn địa chính trị và áp lực chuỗi cung ứng

Các cuộc xung đột vũ trang tại Ukraine và khu vực Trung Đông kéo dài trong suốt năm 2025 và phát sinh nghiêm trọng trong quý 1/2026 đã tạo ra những tác động gián tiếp nhưng khá rõ nét đối với ngành dệt may.

Thứ nhất, tuyến vận tải biển qua Biển Đỏ – vốn là con đường ngắn nhất nối châu Á với châu Âu – bị gián đoạn do tình trạng mất an ninh, buộc nhiều tàu chở hàng phải đi vòng dẫn đến tăng đáng kể chi phí vận chuyển và thời gian giao hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và tiến độ đơn hàng của các doanh nghiệp xuất khẩu.

Thứ hai, giá dầu thế giới biến động mạnh theo căng thẳng tại Trung Đông, kéo theo chi phí sợi tổng hợp và các nguyên liệu có gốc hóa dầu – thành phần quan trọng trong nhiều sản phẩm dệt may – cũng tăng theo.

Bên cạnh đó, việc phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập từ Trung Quốc đặt các doanh nghiệp trước một rủi ro pháp lý cụ thể: hàng hóa có thể bị phía Mỹ xem xét lại xuất xứ và áp mức thuế cao hơn nếu không chứng minh được tỷ lệ gia công tại Việt Nam đảm bảo theo quy định.

### Cạnh tranh khu vực gia tăng

Trong khi Việt Nam đối mặt với bất lợi thuế quan tại Mỹ, các đối thủ cạnh tranh trong khu vực lại tranh thủ cơ hội để mở rộng thị phần. Bangladesh – sau một giai đoạn bất ổn chính trị nội bộ – đã ổn định sản xuất trở lại từ quý 2/2025 và tiếp tục chiếm ưu thế tại phân khúc hàng may mặc phổ thông với giá thành thấp hơn Việt Nam đáng kể. Ấn Độ hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do và mức thuế vào Mỹ thấp hơn, tiếp tục mở rộng thị phần ở phân khúc trung và cao cấp. Đồng thời, khi thị trường Mỹ trở nên khó tiếp cận hơn, các nhà sản xuất Trung Quốc chuyển hướng mạnh sang châu Âu và châu Á – chính những thị trường mà Việt Nam đang nỗ lực đa dạng hóa để bù đắp sụt giảm ở Mỹ.

Kết thúc năm 2025, ngành Dệt May Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu ước khoảng 46 tỷ USD, tăng 5,6% so với năm 2024, song thấp hơn mục tiêu ban đầu do tác động trực tiếp từ thuế quan Mỹ. Việt Nam duy trì vị trí xuất khẩu dệt may lớn thứ hai thế giới; tỷ lệ nội địa hóa giá trị gia tăng đạt khoảng 52%.

II. DANH MỤC RỦI RO TRỌNG YẾU NĂM 2025

Các rủi ro được nhận diện, đánh giá và theo dõi trong năm 2025 bao gồm:

| Rủi ro                                                   | Khả năng xảy ra (thang 0-5) | Mức độ tác động (thang 0-5) | Điểm (KN×MD) max = 25 | Đánh giá tổng thể |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|-------------------|
| Thuế quan Mỹ: sụt giảm đơn hàng, thu hẹp biên lợi nhuận  | 4                           | 5                           | 20                    | Nghiêm trọng      |
| Gián đoạn chuỗi cung ứng, chi phí logistics Biển Đỏ tăng | 3                           | 4                           | 12                    | Đáng kể           |
| Biến động tỷ giá VND/USD                                 | 4                           | 3                           | 12                    | Đáng kể           |
| Cạnh tranh từ Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia               | 4                           | 3                           | 12                    | Đáng kể           |
| Rủi ro xuất xứ – quy tắc EVFTA và yêu cầu Xinjiang       | 3                           | 4                           | 12                    | Đáng kể           |
| Thiếu hụt lao động kỹ năng cao                           | 3                           | 3                           | 9                     | Trung bình        |
| An ninh mạng – gián đoạn sản xuất, rò rỉ dữ liệu         | 2                           | 4                           | 8                     | Trung bình        |

| THANG ĐIỂM VINATEX (0-5) VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ RỦI RO                                                                                                                                                                               |            |              |                                                                                                                                                                                 |                |         |             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------|-------------|
| Ý nghĩa các mức điểm – áp dụng cho cả cột Khả năng xảy ra và Mức độ tác động                                                                                                                                                          |            |              |                                                                                                                                                                                 |                |         |             |
| Mức điểm:                                                                                                                                                                                                                             | Không (0)  | Rất thấp (1) | Thấp (2)                                                                                                                                                                        | Trung bình (3) | Cao (4) | Rất cao (5) |
| <i>Lưu ý: Thang điểm 0-5 được Vinatex áp dụng thống nhất. Điểm 0 (Không) nghĩa là rủi ro không tồn tại hoặc đã được kiểm soát hoàn toàn. Điểm 5 (Rất cao) phản ánh xác suất gần chắc chắn xảy ra / hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.</i> |            |              |                                                                                                                                                                                 |                |         |             |
| <b>Đánh giá tổng thể = Khả năng xảy ra × Mức độ tác động (điểm tối đa: 5 × 5 = 25)</b>                                                                                                                                                |            |              |                                                                                                                                                                                 |                |         |             |
| ❖ <b>NGHIÊM TRỌNG</b>                                                                                                                                                                                                                 | Điểm ≥ 16  |              | Rủi ro vừa có khả năng xảy ra cao, vừa có hậu quả nghiêm trọng. Cần hành động ngay lập tức: lập kế hoạch ứng phó chi tiết, báo cáo Ban lãnh đạo tối cao, giám sát hàng tháng.   |                |         |             |
| ❖ <b>ĐÁNG KỂ</b>                                                                                                                                                                                                                      | Điểm 10-15 |              | Rủi ro ở mức trung bình-cao: khả năng xảy ra đáng chú ý và/hoặc hậu quả đáng lo ngại. Cần biện pháp kiểm soát cụ thể, theo dõi hàng quý, đưa vào kế hoạch hành động chính thức. |                |         |             |
| ❖ <b>TRUNG BÌNH</b>                                                                                                                                                                                                                   | Điểm ≤ 9   |              | Rủi ro chấp nhận được trong điều kiện hiện tại: xác suất thấp và/hoặc hậu quả không đáng kể. Theo dõi định kỳ hàng năm, không cần hành động khẩn cấp.                           |                |         |             |

Trong đó, rủi ro thuế quan Mỹ được đánh giá ở mức nghiêm trọng nhất và là trọng tâm điều phối ứng phó trong suốt năm 2025.

III. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO ĐÃ TRIỂN KHAI

Trong năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện các hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) cụ thể như sau:

Ứng phó với rủi ro chính sách thuế quan

- ✓ Phân tích kịch bản nhanh khi có biến động: Ngay khi mức thuế 46% được công bố vào tháng 4/2025, Tập đoàn xây dựng ngay các kịch bản đánh giá tác động theo từng mức thuế suất khác nhau, giúp lãnh đạo các doanh nghiệp có cơ sở ra quyết định kịp thời thay vì chờ đợi diễn biến rõ hơn.
- ✓ Hỗ trợ đàm phán với khách hàng Mỹ: Phối hợp cùng các đơn vị thành viên trong quá trình thương lượng để khách hàng cùng chia sẻ một phần gánh nặng thuế, thay vì để doanh nghiệp Việt Nam phải hấp thụ toàn bộ phần tăng chi phí.
- ✓ Chủ động tìm kiếm đơn hàng mới ở thị trường khác: Đẩy nhanh kết nối với khách hàng tại châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc trong nửa cuối năm, giúp một số đơn vị ký được hợp đồng mới tại các thị trường này để bù đắp phần sụt giảm từ Mỹ.
- ✓ Cập nhật thông tin liên tục: Theo dõi sát tiến trình đàm phán thương mại Mỹ-Việt và cung cấp thông tin định kỳ cho lãnh đạo Tập đoàn và các đơn vị thành viên, đảm bảo các quyết định kinh doanh được đưa ra trên cơ sở thông tin mới nhất.

Kiểm soát chuỗi cung ứng và đảm bảo xuất xứ hàng hóa

- ✓ Rà soát và mở rộng danh sách nhà cung cấp nguyên liệu: Giảm tình trạng phụ thuộc vào một vài nguồn cung nhất định, đặc biệt với các nguyên liệu nhập từ Trung Quốc – nơi rủi ro bị xem xét lại xuất xứ hàng hóa ở thị trường Mỹ là khá hiện hữu.
- ✓ Tăng dự trữ nguyên liệu đầu vào khi cần thiết: Tại một số đơn vị, mức tồn kho nguyên liệu được nâng lên trong những giai đoạn có dấu hiệu gián đoạn chuỗi cung ứng, giúp đảm bảo sản xuất không bị đứt đoạn vì thiếu nguyên liệu đột xuất.
- ✓ Tăng cường hồ sơ chứng minh xuất xứ: Rà soát và bổ sung đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam đúng theo quy định của từng thị trường xuất khẩu, hạn chế rủi ro bị áp thuế cao hơn hoặc bị giữ hàng tại hải quan.



Quản lý rủi ro tài chính và tỷ giá

✓ Theo dõi tỷ giá và đánh giá tác động thường xuyên: Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ ảnh hưởng theo hai chiều – làm tăng chi phí khi nhập nguyên liệu nhưng lại có thể tăng doanh thu quy đổi khi xuất hàng. Tập đoàn theo dõi diễn biến này hàng tuần để tham mưu kịp thời cho lãnh đạo trong các quyết định liên quan.

✓ Hỗ trợ các đơn vị sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá: Một số đơn vị thành viên đã ứng dụng hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn – tức là thỏa thuận trước với ngân hàng về mức tỷ giá áp dụng cho các giao dịch trong tương lai – nhằm giảm bớt sự không chắc chắn trong việc tính toán chi phí và lợi nhuận.

Ổn định sản xuất và phát triển hệ thống quản trị rủi ro

✓ Điều tiết sản xuất và nhân lực linh hoạt khi đơn hàng giảm: Khi xuất khẩu sang Mỹ sụt giảm trong nửa cuối năm, Tập đoàn phối hợp cùng các đơn vị tìm phương án điều chỉnh ca sản xuất và luân chuyển lao động nội bộ, hạn chế tối đa tình trạng phải cắt giảm nhân sự – vốn gây ảnh hưởng không chỉ đến người lao động mà còn đến khả năng phục hồi nhanh khi đơn hàng trở lại.

✓ Cập nhật danh mục rủi ro theo diễn biến thực tế: Thay vì chỉ lập danh mục rủi ro một lần vào đầu năm, Tập đoàn duy trì việc cập nhật định kỳ theo quý để phản ánh đúng những rủi ro mới phát sinh và điều chỉnh mức độ ưu tiên xử lý phù hợp với tình hình.

✓ Duy trì luồng thông tin rủi ro xuyên suốt trong Tập đoàn: Tiếp tục cơ chế để các đơn vị thành viên báo cáo rủi ro định kỳ lên Tập đoàn; tổ chức đào tạo nội bộ giúp cán bộ các cấp nhận diện đúng và báo cáo kịp thời các rủi ro trong phạm vi công việc của mình.



IV. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2026

Bước vào năm 2026, môi trường rủi ro tiếp tục phức tạp và khó đoán định với các áp lực mới chồng lên những thách thức còn chưa được giải quyết hoàn toàn từ năm 2025. Thuế quan Mỹ dự kiến tiếp tục diễn biến khó lường; xung đột Mỹ-Israel-Iran leo thang từ cuối tháng 2/2026 tạo thêm lớp rủi ro địa chính trị mới đối với chuỗi cung ứng và chi phí logistics toàn cầu; giá dầu tăng hơn 20% từ đầu năm kéo theo áp lực chi phí nguyên liệu và vận chuyển. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn xác định mục tiêu và định hướng QTRR năm 2026 như sau:

| Mục tiêu / Định hướng                    | Nội dung cốt lõi                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ứng phó chủ động với bất định chính sách | Duy trì hệ thống kịch bản rủi ro thuế quan theo từng ngưỡng; ứng phó linh hoạt khi chính sách Mỹ thay đổi. Đặc biệt quan tâm đến diễn biến xung đột Mỹ-Israel-Iran và tác động đến giá dầu, chi phí logistics. |
| QTRR dựa trên dữ liệu                    | Xây dựng bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm (EWI) và dashboard theo dõi rủi ro gắn với số liệu vận hành; hướng đến việc phát hiện rủi ro sớm hơn, trước khi phát sinh thiệt hại.                                         |
| Tích hợp QTRR vào quyết định hàng ngày   | Đưa đánh giá rủi ro thành một bước trong quá trình phê duyệt các quyết định quan trọng (ký hợp đồng, thay đổi nhà cung cấp, điều chỉnh kế hoạch sản xuất).                                                     |
| Đa dạng hóa thị trường có chủ đích       | Giảm tỷ trọng thị trường Mỹ xuống dưới 35% tổng doanh thu; đặt chỉ tiêu phát triển thị trường EU, Nhật Bản, Hàn Quốc thành KPI kinh doanh cụ thể.                                                              |
| Nâng cao tuân thủ xuất xứ và ESG         | Hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc số; chuẩn bị báo cáo ESG đáp ứng yêu cầu thị trường EU và các nhà đặt hàng quốc tế.                                                                                    |
| Củng cố văn hóa QTRR                     | QTRR được thực hành thường xuyên trong họp giao ban, không chỉ xuất hiện trong báo cáo định kỳ. Duy trì đào tạo và nâng cao nhận thức rủi ro ở tất cả các cấp.                                                 |

Trọng tâm bao trùm của QTRR năm 2026 là chuyển từ nhận diện – mô tả rủi ro sang thực hành QTRR ngay trong quá trình triển khai công việc: dữ liệu dẫn đường, quyết định có kiểm tra rủi ro và mỗi cán bộ ở mọi cấp đều chủ động xử lý rủi ro trong phạm vi công việc của mình.

V. KẾT LUẬN

Năm 2025 xác nhận rằng những rủi ro từng được cảnh báo đã trở thành thực tế vận hành. Điều đó đặt ra yêu cầu thực chất hơn với công tác QTRR: không dừng ở mô tả rủi ro, mà phải gắn với hành động cụ thể, đo lường được và xảy ra đúng thời điểm. Năm 2026, Tập đoàn tiếp tục củng cố hệ thống QTRR theo hướng thiết thực, gắn hơn với vận hành kinh doanh và thích ứng linh hoạt hơn với biến động của thị trường.□

# HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

(Ghi chú: Người nội bộ: HĐQT, BKS, HĐQT của Vinatex)

## I. GIAO DỊCH GIỮA VINATEX VỚI CÁC CÔNG TY CÓ NGƯỜI NỘI BỘ THAM GIA CÁC CHỨC DANH HĐQT, BKS, HĐQT

| STT | Công ty có người nội bộ của Vinatex tham gia các chức danh HĐQT, BKS, HĐQT | Loại giao dịch        | Tổng giá trị giao dịch (VNĐ) | Người nội bộ của Vinatex và chức danh của người nội bộ tại công ty có phát sinh hợp đồng, giao dịch với Vinatex |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP                                             | Bán hàng hóa dịch vụ  | 742.877.925                  | Ông Lê Tiến Trường - Chủ tịch HĐQT                                                                              |
| 2   | Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP                                           | Bán hàng hóa dịch vụ  | 477.089.947                  | Ông Lê Tiến Trường - Chủ tịch HĐQT                                                                              |
|     |                                                                            | Mua hàng hóa dịch vụ  | 1.380.646.960                |                                                                                                                 |
| 3   | Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú                                             | Tiền lãi cho vay ADB  | 31.896.786.706               | Ông Trần Quang Nghị - Chủ tịch HĐQT                                                                             |
|     |                                                                            | Bán hàng hóa dịch vụ  | 1.650.364.879                |                                                                                                                 |
| 4   | Tổng Công ty May 10 - CTCP                                                 | Bán hàng hóa dịch vụ  | 1.152.767.024                | Ông Đặng Vũ Hùng<br>Phó Chủ tịch HĐQT                                                                           |
|     |                                                                            | Mua hàng hóa dịch vụ  | 52.815.615.871               |                                                                                                                 |
| 5   | Công ty CP Quốc tế Phong Phú                                               | Bán hàng hóa dịch vụ  | 1.547.785.229                | Ông Đặng Vũ Hùng - Chủ tịch HĐQT                                                                                |
| 6   | Công ty CP Len Hà Đông                                                     | Bán hàng hóa dịch vụ  | 4.952.381                    | Ông Nguyễn Xuân Đông<br>Chủ tịch HĐQT kiêm TGD<br>Bà Đặng Thị Hồng Lê<br>Giám đốc điều hành                     |
| 7   | Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP                                             | Bán hàng hóa dịch vụ  | 2.009.427.096                | Ông Nguyễn Xuân Đông<br>Thành viên HĐQT                                                                         |
|     |                                                                            | Mua hàng hóa dịch vụ  | 4.529.881.112                |                                                                                                                 |
| 8   | Công ty CP Vinatex Đà Nẵng                                                 | Bán hàng hóa dịch vụ  | 92.592.593                   | Ông Nguyễn Xuân Đông<br>Thành viên HĐQT                                                                         |
| 9   | Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới                              | Bán hàng hóa dịch vụ  | 6.107.515.904                | Ông Cao Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT<br>Bà Trần Thị Thu Hằng - Trưởng BKS                                           |
| 10  | Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex                       | Bán hàng hóa dịch vụ  | 37.368.055                   | Ông Cao Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT<br>Ông Nguyễn Song Hải - Thành viên HĐQT - TGD                                 |
| 11  | Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội                                        | Bán hàng hóa dịch vụ  | 92.270.119.498               | Ông Cao Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT                                                                                |
|     |                                                                            | Tiền lãi cho vay ADB  | 13.666.652.478               |                                                                                                                 |
| 12  | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân                                         | Bán hàng hóa dịch vụ  | 22.647.230.450               | Ông Nguyễn Song Hải - Chủ tịch HĐQT<br>Bà Trần Thị Thu Hằng - Kiểm soát viên                                    |
|     |                                                                            | Tiền lãi cho vay, ADB | 5.538.238.983                |                                                                                                                 |
|     |                                                                            | Mua hàng hóa dịch vụ  | 3.178.731.623                |                                                                                                                 |

|    |                                                      |                       |                 |                                                                                                                |
|----|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh                         | Bán hàng hóa dịch vụ  | 95.068.783      | Ông Nguyễn Song Hải - Chủ tịch HĐQT                                                                            |
| 14 | Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định                     | Tiền lãi cho vay, ADB | 12.688.465.350  | Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT<br>Ông Phạm Xuân Trình - Thành viên HĐQT<br>Bà Trần Thị Thu Hằng - Trưởng BKS |
|    |                                                      | Bán hàng hóa dịch vụ  | 230.997.795.791 |                                                                                                                |
|    |                                                      | Mua hàng hóa dịch vụ  | 11.250.247.589  |                                                                                                                |
| 15 | Tổng Công ty CP May Việt Tiến                        | Bán hàng hóa dịch vụ  | 3.663.322.302   | Bà Trần Thị Thu Hằng - Thành viên BKS                                                                          |
|    |                                                      | Mua hàng hóa dịch vụ  | 6.762.385.480   |                                                                                                                |
| 16 | Công ty CP May Nam Định                              | Mua hàng hóa dịch vụ  | 961.227.407     | Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT                                                                               |
|    |                                                      | Bán hàng hóa dịch vụ  | 329.733.226     |                                                                                                                |
| 17 | Công ty CP Sợi Phú Bài                               | Bán hàng hóa dịch vụ  | 350.910.053     | Ông Phạm Văn Tân - Chủ tịch HĐQT                                                                               |
| 18 | Công ty CP May Hữu Nghị                              | Bán hàng hóa dịch vụ  | 46.296.296      | Ông Lê Mạc Thuấn - Thành viên HĐQT                                                                             |
| 19 | Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex                 | Bán hàng hóa dịch vụ  | 1.707.513.346   | Ông Lê Mạc Thuấn - Chủ tịch HĐQT                                                                               |
| 20 | Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ                      | Bán hàng hóa dịch vụ  | 15.327.428.252  | Ông Nguyễn Đức Trí - Thành viên HĐQT                                                                           |
|    |                                                      | Tiền lãi cho vay ADB  | 13.456.541.297  |                                                                                                                |
|    |                                                      | Mua hàng hóa dịch vụ  | 1.584.903.796   |                                                                                                                |
| 21 | Công ty CP Dệt May Huế                               | Bán hàng hóa dịch vụ  | 472.457.888     | Ông Nguyễn Đức Trí - Chủ tịch HĐQT                                                                             |
|    |                                                      | Mua hàng hóa dịch vụ  | 304.449.908     |                                                                                                                |
|    |                                                      | Tiền lãi cho vay, ADB | 5.785.928.206   |                                                                                                                |
| 22 | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương                 | Bán hàng hóa dịch vụ  | 8.556.267.937   | Ông Phạm Xuân Trình - Chủ tịch HĐQT                                                                            |
|    |                                                      | Mua hàng hóa dịch vụ  | 2.275.216.000   |                                                                                                                |
| 23 | Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex | Bán hàng hóa dịch vụ  | 9.523.810       | Ông Nguyễn Hùng Quý - Thành viên HĐQT-TGD                                                                      |

II. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY CON CỦA VINATEX VỚI CÁC CÔNG TY CÓ NGƯỜI NỘI BỘ THAM GIA CÁC CHỨC DANH HĐQT, BKS, CQĐH

| STT | Công ty con của Vinatex                       | Công ty có người nội bộ của Vinatex tham gia các chức danh HĐQT, BKS, CQĐH | Loại giao dịch | Tổng giá trị giao dịch (VNĐ) |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------|
| 1   | Công ty CP Dệt May Huế                        | Công ty CP Vinatex Quốc tế                                                 | Mua HHDV       | 9.209.339.197                |
|     |                                               | Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội                                        | Bán HHDV       | 4.098.706.464                |
|     |                                               | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân                                         | Bán HHDV       | 83.908.823                   |
|     |                                               | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân                                         | Mua HHDV       | 230.721.794                  |
|     |                                               | Tổng Công ty CP May Việt Tiến                                              | Bán HHDV       | 1.469.612.000                |
|     |                                               | Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ                                            | Mua HHDV       | 112.173.167                  |
|     |                                               | Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ                                            | Bán HHDV       | 253.423.723                  |
|     |                                               |                                                                            |                |                              |
| 2   | Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân                                         | Bán HHDV       | 3.492.179.614                |
|     |                                               | Công ty CP Dệt kim - Hanosimex                                             | Bán HHDV       | 5.313.548.684                |
| 3   | Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May    | Công ty CP Vinatex Quốc tế                                                 | Bán HHDV       | 26.159.994                   |
| 4   | Công ty CP Vinatex Phú Hưng                   | Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh                                               | Mua HHDV       | 6.045.297.224                |
|     |                                               | Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh                                               | Bán HHDV       | 9.927.400.000                |
|     |                                               | Công ty CP Sợi Phú Bài                                                     | Mua HHDV       | 16.668.000                   |
|     |                                               | Công ty CP Dệt May Huế                                                     | Mua HHDV       | 2.527.358.720                |
| 5   | Công ty TNHH một thành viên Dệt kim Đông Xuân | Tổng Công ty May 10 -CTCP                                                  | Bán HHDV       | 91.892.952                   |
|     |                                               | Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội                                        | Mua HHDV       | 18.227.243.582               |
|     |                                               | Công ty CP May Nam Định                                                    | Bán HHDV       | 323.722.608                  |
| 6   | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương          | Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định                                           | Mua HHDV       | 891.088.057                  |

|    |                                                      |                                      |          |                |
|----|------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------|----------------|
| 7  | Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex | Công ty CP Quốc tế Phong Phú         | Bán HHDV | 17.160.000.000 |
|    |                                                      | Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội  | Mua HHDV | 720.000.000    |
|    |                                                      | Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội  | Bán HHDV | 1.966.109.589  |
|    |                                                      | Công ty CP Dệt kim - Hanosimex       | Bán HHDV | 660.934.246    |
|    |                                                      | Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh         | Bán HHDV | 2.447.808.220  |
| 8  | Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ                      | Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP       | Mua HHDV | 16.200.000     |
|    |                                                      | Tổng Công ty May 10 -CTCP            | Mua HHDV | 1.590.909      |
|    |                                                      | Công ty CP Quốc tế Phong Phú         | Mua HHDV | 107.585.900    |
|    |                                                      | Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP       | Bán HHDV | 50.404.408     |
|    |                                                      | Công ty CP Vinatex Đà Nẵng           | Mua HHDV | 75.828.330     |
|    |                                                      | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân   | Bán HHDV | 4.963.635      |
|    |                                                      | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân   | Mua HHDV | 1.588.362      |
|    |                                                      | Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh         | Bán HHDV | 20.209.825     |
|    |                                                      | Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định     | Mua HHDV | 3.081.867.118  |
|    |                                                      | Tổng Công ty CP May Việt Tiến        | Mua HHDV | 4.105.211.000  |
|    |                                                      | Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex | Bán HHDV | 35.967.745     |
|    |                                                      |                                      |          |                |
| 9  | Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định                     | Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội  | Mua HHDV | 14.125.000     |
|    |                                                      | Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân   | Bán HHDV | 14.094.042.270 |
|    |                                                      | Công ty CP Dệt Hà Đông - Hanosimex   | Bán HHDV | 22.805.250     |
|    |                                                      | Công ty CP Sợi Phú Bài               | Bán HHDV | 615.158.961    |
| 10 | Tổng Công ty CP Phong Phú                            | Công ty CP Dệt May Nha Trang         | Bán HHDV | 13.648.800.000 |
|    |                                                      | Công ty CP Dệt May Nha Trang         | Mua HHDV | 19.999.610.835 |
|    |                                                      | Công ty CP Quốc tế Phong Phú         | Bán HHDV | 16.655.271.383 |
|    |                                                      | Công ty CP Vinatex Quốc tế           | Bán HHDV | 1.253.693.389  |
|    |                                                      | Công ty CP Sinnika Việt Nam          | Bán HHDV | 2.993.706.566  |
|    |                                                      | Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ      | Bán HHDV | 2.355.004.399  |
|    |                                                      | Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ      | Mua HHDV | 10.631.817     |
| 11 | Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex | Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP       | Mua HHDV | 3.833.436.931  |
|    |                                                      | Công ty CP Vinatex Đà Nẵng           | Mua HHDV | 13.113.975.420 |



Chương

# 04

## QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

58. Quan hệ cổ đông

# QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

## 1. THÔNG TIN CỔ PHẦN

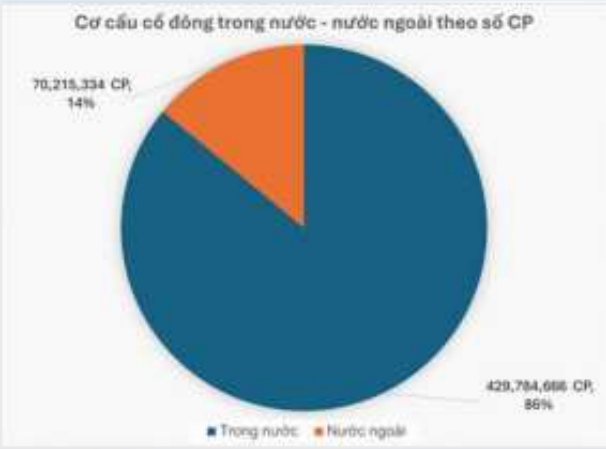
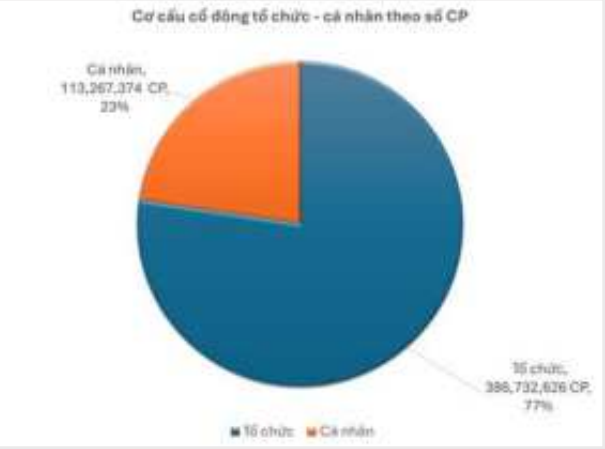
(tại ngày 31/12/2025)

| Loại cổ phần                  | Cổ phần phổ thông   |
|-------------------------------|---------------------|
| Mệnh giá                      | 10.000 đồng/cổ phần |
| Tổng số cổ phần đang lưu hành | 500.000.000 cổ phần |
| Cổ phần chuyển nhượng tự do   | 500.000.000 cổ phần |
| Cổ phần hạn chế chuyển nhượng | 0 cổ phần           |

## 2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2025)

| TT  | Tên cổ đông      | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu  | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Tổ chức          | 25               | 386.732.626        | 77,35%       |
| 1.1 | Trong nước       | 21               | 316.779.326        | 63,36%       |
| 1.2 | Nước ngoài       | 4                | 69.953.300         | 13,99%       |
| 2   | Cá nhân          | 12.181           | 113.267.374        | 22,65%       |
| 2.1 | Trong nước       | 12.149           | 113.005.340        | 22,60%       |
| 2.2 | Nước ngoài       | 32               | 262.034            | 0,05%        |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>12.206</b>    | <b>500.000.000</b> | <b>100%</b>  |



## 3. CỔ ĐÔNG LỚN

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2025)

| TT | Tên cổ đông                                                              | Số cổ phần sở hữu  | Tỷ lệ sở hữu  |
|----|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|
| 1  | Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước – Công ty TNHH) | 267.438.100        | 53,49%        |
| 2  | Itochu Corporation                                                       | 65.000.000         | 13,00%        |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                         | <b>332.438.100</b> | <b>66,49%</b> |

## 4. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG LÀ NGƯỜI NỘI BỘ NĂM 2025

| TT | Họ và tên          | Chức vụ                | Tại 31/12/2025 |         | Tại 01/01/2025 |        | Tăng/giảm Số CP |
|----|--------------------|------------------------|----------------|---------|----------------|--------|-----------------|
|    |                    |                        | Số CP          | Tỷ lệ   | Số CP          | Tỷ lệ  |                 |
| 1  | Lê Tiến Trường     | Chủ tịch HĐQT          | 5.500          | 0,001%  | 5.500          | 0,001% | -               |
| 2  | Trần Quang Nghị    | PCT HĐQT               | 10.003.900     | 2,001%  | 10.003.900     | 2,001% | -               |
| 3  | Cao Hữu Hiếu       | TV HĐQT, Tổng Giám đốc | 3.300          | 0,001%  | 3.300          | 0,001% | -               |
| 4  | Nguyễn Xuân Đông   | TV HĐQT                | 15.000.000     | 3,000%  | 15.045.000     | 3,009% | (45.000)        |
| 5  | Đặng Vũ Hùng       | TV HĐQT                | 5.000          | 0,001%  | 5.000          | 0,001% | -               |
| 6  | Vũ Hồng Tuấn       | TV HĐQT                | 500            | 0,0001% | -              | -      | 500             |
| 7  | Lê Mạc Thuấn       | Phó TGD                | 5.100          | 0,001%  | 5.100          | 0,001% | -               |
| 8  | Đoàn Thị Thu Hương | TV BKS                 | 4.000          | 0,001%  | 400            | 0,000% | 3.600           |
| 9  | Đặng Thị Hồng Lê   | TV BKS                 | 1.900          | 0,0004% | -              | -      | 1.900           |

## THÔNG TIN LIÊN LẠC BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Ban Tổng hợp Pháp chế - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

❖ Địa chỉ: 41A Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

❖ Điện thoại: 024 3825 7700

❖ Email: qhcd@vinatex.com.vn

❖ Website: www.vinatex.com.vn

❖ Mục quan hệ cổ đông: <https://vinatex.com.vn/quan-he-co-dong-2/>



Chương

# 05

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

72. Chính sách đối với người lao động

74. Báo cáo môi trường và năng lượng năm 2025

78. Vinatex xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại, minh bạch và dựa trên dữ liệu

86. Triển vọng kinh tế thế giới và thị trường dệt may năm 2026

94. Hoạt động cộng đồng năm 2025



# CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

## 1. Duy trì việc làm, đảm bảo thu nhập ổn định

Năm 2025, tình hình lao động của Tập đoàn tiếp tục ổn định, đảm bảo việc làm cho người lao động và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Số lao động bình quân đạt 53.825 người, bằng 96,4% so với năm 2024 và 96,5% so với kế hoạch. Số lượng lao động giảm nhẹ phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời vẫn đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động của các doanh nghiệp thành viên.

Thu nhập của người lao động tiếp tục được cải thiện, duy trì tốc độ tăng trưởng 5-7%/năm. Thu nhập bình quân năm 2025 đạt 12,14 triệu đồng/người/tháng, bằng 107% so với năm 2024 và 105% so với kế hoạch. Bên cạnh tiền lương hàng tháng, các doanh nghiệp trong Tập đoàn đều thực hiện tháng lương thứ 13, đảm bảo mức thưởng bình quân đạt 20 triệu đồng/người góp phần nâng cao đời sống và tăng cường sự gắn bó của người lao động.

Song song với việc đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định, các doanh nghiệp trong Tập đoàn thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về lao động, đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi và bổ sung nội quy lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và quy chế tiền lương, thưởng phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động. Tập đoàn cũng từng bước ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý lao động và đánh giá hiệu suất, làm cơ sở minh bạch cho công tác tiền lương và khen thưởng; đồng thời ban hành Sổ tay văn hóa doanh nghiệp nhằm lan tỏa các giá trị cốt lõi và xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, ổn định.



## 2. Đảm bảo an toàn lao động, quan tâm chăm sóc sức khỏe người lao động

Công tác an toàn, vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe người lao động luôn được Tập đoàn và các doanh nghiệp trong Tập đoàn chú trọng. Các đơn vị tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe chuyên sâu cho lao động nữ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, đồng thời tăng cường huấn luyện an toàn lao động, đánh giá rủi ro, kiểm tra thiết bị an toàn và quan trắc môi trường lao động nhằm phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Tại các đơn vị sử dụng nhiều lao động, phòng y tế được bố trí đầy đủ để tư vấn sức khỏe và sơ cấp cứu kịp thời. Bên cạnh đó, Tập đoàn có Trung tâm Y tế quản lý hệ thống y tế tại các đơn vị thành viên và Bệnh viện Dệt May, phục vụ công tác chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ và phát hiện sớm các bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để kịp thời điều trị cho người lao động.

## 3. Duy trì và phát triển chính sách phúc lợi

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên còn triển khai nhiều chính sách phúc lợi bổ sung nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Các chính sách hỗ trợ đa dạng như phụ cấp điện thoại, xăng xe, xe đưa đón, hỗ trợ nhà ở, nâng cao chất lượng bữa ăn ca, cùng các hỗ trợ bằng hiện vật như sữa và thực phẩm dinh dưỡng.

Hầu hết các nhà máy trong Tập đoàn đã xây dựng nhà ăn và tổ chức bữa ăn ca tại doanh nghiệp, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số đơn vị còn đầu tư khu nhà ở cho người lao động, tổ chức nhà giữ trẻ, bố trí phòng vắt và trữ sữa cho lao động nữ, đồng thời tăng cường chế độ dinh dưỡng đối với lao động nữ đang nuôi con nhỏ nhằm tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác.

Các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cũng được duy trì thường xuyên như tặng quà cho con cán bộ công nhân viên nhân dịp Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích học tập tốt, góp phần tăng cường sự gắn kết giữa người lao động và doanh nghiệp.

Nhiều doanh nghiệp thành viên đã chủ động cải tiến công tác quản trị, tiết kiệm chi phí để nâng cao phúc lợi cho người lao động, như tổ chức bữa ăn sáng tại doanh nghiệp, triển khai mô hình trồng rau sạch phục vụ bữa ăn giữa ca hoặc bán cho người lao động với giá ưu đãi... Các chính sách phúc lợi này không chỉ cải thiện sức khỏe người lao động mà còn góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng cường sự gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

## 4. Đào tạo và phát triển nhân lực

Xác định đào tạo là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững, Tập đoàn tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực đội ngũ và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Năm 2025, chương trình đào tạo nội bộ dành cho cán bộ quản lý và chuyên môn thu hút 150 học viên, tập trung vào các lĩnh vực quản lý dự án đầu tư, đấu thầu và pháp chế. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo chuyên ngành Sợi với hơn 220 học viên được tổ chức kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến, giúp các doanh nghiệp thành viên tiếp cận kiến thức chuyên sâu một cách linh hoạt và hiệu quả. Đặc biệt, chương trình đào tạo 30 kỹ sư chuyên ngành Sợi - Dệt cho các doanh nghiệp khu vực miền Trung đã góp phần bổ sung nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Song song với đó, hệ thống đào tạo đại học và cao đẳng trong Tập đoàn tiếp tục phát triển ổn định, cung cấp hơn 1.500 lao động trình độ đại học và cao đẳng cho thị trường, góp phần bổ sung nguồn nhân lực cho ngành dệt may và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Tập đoàn. □





# BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG NĂM 2025

Các lĩnh vực sản xuất chính của Tập đoàn bao gồm Sợi, Dệt – Nhuộm, May và phân phối sản phẩm may mặc. Trong quá trình sản xuất, các nguồn thải phát sinh chủ yếu gồm nước thải, khí thải và chất thải rắn. Trong đó, tại các đơn vị Dệt – Nhuộm, nguồn thải chính là nước thải công nghiệp và khí thải; tại các đơn vị Sợi và May, chất thải chủ yếu là chất thải rắn thông thường như bông, xơ, sợi phế, vải vụn và bao bì.

Toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn.

Dưới đây là các số liệu tổng hợp về hoạt động bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng năm 2025.

## 1. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Bảng 1 – Tiêu thụ năng lượng

| Năm 2025            |                  | Năm 2024            |                  | So với năm 2024 |            |
|---------------------|------------------|---------------------|------------------|-----------------|------------|
| Điện tiêu thụ (kWh) | Năng lượng (TOE) | Điện tiêu thụ (kWh) | Năng lượng (TOE) | Điện            | Năng lượng |
| 395.312.428         | 65.955           | 417.003.635         | 68.448           | Giảm 5,2%       | Giảm 3,64% |

Trong năm 2025, tổng lượng điện năng tiêu thụ giảm 5,43% so với năm 2024, trong khi kết quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng cho thấy hiệu quả sử dụng năng lượng được cải thiện.

Kết quả này đạt được nhờ các đơn vị tối ưu vận hành, tăng cường quản trị và tiết kiệm năng lượng, đồng thời đầu tư đổi mới công nghệ, thay thế thiết bị tiêu hao cao bằng thiết bị hiện đại. Bên cạnh đó, các nhà máy tiếp tục đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo, với sản lượng điện mặt trời áp mái tăng thêm 6,41 triệu kWh, đạt trên 30 triệu kWh, chiếm khoảng 7,1% tổng điện năng tiêu thụ.

Kết quả trên phản ánh hiệu quả của các giải pháp đồng bộ về quản trị, đầu tư công nghệ và chuyển đổi năng lượng trong toàn Tập đoàn.



## 2. TIÊU THỤ NƯỚC CẤP VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (\*)

Bảng 2 - Nước cấp

| Lượng nước tiêu thụ năm 2025 (m³/năm) |                |                    | Tổng lượng nước sử dụng 2024 | So với năm 2024 (%) | Nguồn nước sử dụng                              | Giá bình quân (vnd/m³) |
|---------------------------------------|----------------|--------------------|------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------|------------------------|
| Nước sản xuất                         | Nước sinh hoạt | Tổng lượng nước SD |                              |                     |                                                 |                        |
| 2.428.924                             | 754.362        | 3.183.286          | 3.001.958                    | Tăng 6%             | Chủ yếu là nước khai thác và mua từ đơn vị khác | 11.236                 |

Bảng 3 - Nước thải

| Lượng nước thải năm 2025 (m³/năm) |                |                        | Tổng lượng nước thải đã XL 2024 (m³/năm) | So với năm 2024 (%) | Công nghệ xử lý nước thải                                        | Chi phí xử lý đạt nguồn loại A (vnd/m³) |
|-----------------------------------|----------------|------------------------|------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Nước sản xuất                     | Nước sinh hoạt | Tổng lượng NT đã xử lý |                                          |                     |                                                                  |                                         |
| 2.250.103                         | 725.165        | 2.975.268              | 2.562.649                                | Tăng 16,1%          | Chủ yếu sử dụng phương pháp: cơ học + yếm khí + Hóa lý + vi sinh | NTSX: 21.000-26.400                     |

Ghi chú:

(\*): Số liệu nước sử dụng và nước thải chỉ bao gồm các hoạt động phục vụ trực tiếp quá trình sản xuất sợi, dệt, nhuộm và may; không bao gồm nước sử dụng cho các hoạt động hạ tầng, khu công nghiệp và dịch vụ khác.

Trong năm 2025, tổng lượng nước sử dụng đạt khoảng 3,18 triệu m<sup>3</sup>, tăng 6,0% so với năm 2024, phù hợp với xu hướng tăng trưởng của hoạt động sản xuất trong toàn Tập đoàn. Tổng lượng nước thải được thu gom và xử lý đạt 2,97 triệu m<sup>3</sup>, tăng 16,1% so với năm 2024, cho thấy các đơn vị đã tăng cường công tác thu gom, xử lý nước thải và kiểm soát nguồn thải phát sinh. Nước thải được xử lý bằng các công nghệ phù hợp, đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Kết quả trên phản ánh việc các đơn vị tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, góp phần hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của Tập đoàn.



3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI (\*)

Bảng 4 - Chất thải thông thường và chất thải nguy hại

| Chất thải thông thường |          | So với năm 2024 % | Chất thải nguy hại (tấn) |          | So với năm 2024 (%) |
|------------------------|----------|-------------------|--------------------------|----------|---------------------|
| Năm 2025               | Năm 2024 |                   | Năm 2025                 | Năm 2024 |                     |
| 7.885                  | 7.207    | Tăng 9,15%        | 362                      | 381      | Giảm 5 %            |

Ghi chú:  
(\*): Số liệu chất thải thông thường và chất thải nguy hại chỉ bao gồm các hoạt động phục vụ trực tiếp quá trình sản xuất sợi, dệt, nhuộm và may; không bao gồm chất thải của các hoạt động hạ tầng, khu công nghiệp và dịch vụ khác.

Lượng chất thải thông thường năm 2025 tăng 9,15% so với năm 2024, trong khi chất thải nguy hại giảm 5,0%. Nguyên nhân chủ yếu do gia tăng lượng bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải tại các đơn vị dệt – nhuộm trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh được cải thiện, đồng thời một phần bùn thải đã được rà soát, đánh giá lại và xác định không còn thuộc danh mục chất thải nguy hại theo quy định, trên cơ sở kết quả kiểm định và hướng dẫn của cơ quan chức năng, qua đó được chuyển sang phân loại là chất thải thông thường.

Kết quả này phản ánh việc các đơn vị đã nâng cao hiệu quả phân loại và quản lý chất thải, góp phần giảm thiểu chất thải nguy hại và kiểm soát tốt rủi ro môi trường trong toàn Tập đoàn.



4. PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH\*

Lượng phát thải khí nhà kính năm 2025 được tính toán từ các nguồn: điện, nhiên liệu hóa thạch, nước thải và khí thải: 415.503 tCO<sub>2</sub>tđ

\* Không so sánh số liệu này với năm 2024, do năm 2024 là năm đầu tiên thực hiện kiểm kê theo quy định, các đơn vị trong Tập đoàn còn chưa thống nhất phương pháp kiểm kê và tính toán nên số liệu chưa ổn định.

5. CÔNG TÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025 được các đơn vị trong Tập đoàn triển khai đồng bộ và hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đồng thời từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, kiểm soát phát thải, giảm thiểu tác động môi trường, thúc đẩy chuyển đổi xanh trong hoạt động sản xuất.

6. TỔNG KẾT

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình phát triển của Tập đoàn theo hướng hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững, trong đó các hoạt động sản xuất từng bước được tối ưu hóa sử dụng năng lượng, tài nguyên và giảm phát thải, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa và nâng cao năng lực quản trị trong toàn hệ thống.

Bước sang 2026, năm bản lề của giai đoạn 2026–2030, Tập đoàn định hướng triển khai đồng bộ các giải pháp về đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tập trung nâng cấp công nghệ sản xuất theo hướng tự động hóa, tiết kiệm năng lượng; phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết chuỗi và sử dụng nguyên liệu trong nội bộ Tập đoàn.



Qua đó, Tập đoàn từng bước giảm phát thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và đáp ứng các tiêu chuẩn ESG, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu, để thực hiện các mục tiêu ESG giai đoạn 2026–2030 như sau:

01

**Năng lượng & phát thải:** Tối ưu tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, giảm tiêu hao năng lượng trên đơn vị sản phẩm và từng bước giảm phát thải khí nhà kính trong toàn hệ thống.

02

**Tài nguyên & môi trường:** Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng nước và nguyên liệu, tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng, hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất dệt may.

03

**Công nghệ & sản phẩm:** Đẩy mạnh đầu tư công nghệ hiện đại, tự động hóa và chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường và có giá trị gia tăng cao.

04

**Chuỗi cung ứng bền vững:** Tăng tỷ lệ liên kết nội bộ và sử dụng nguyên liệu trong chuỗi của Tập đoàn, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.□



## VINATEX XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI, MINH BẠCH VÀ DỰA TRÊN DỮ LIỆU

Năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) tiếp tục triển khai chương trình chuyển đổi số với định hướng xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số. Các hoạt động chuyển đổi số trong năm được triển khai theo hướng tập trung vào những lĩnh vực có tác động trực tiếp đến hiệu quả quản trị và sản xuất kinh doanh, đồng thời từng bước hình thành đội ngũ nhân lực số, nền tảng hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu phục vụ cho quá trình phát triển dài hạn của Tập đoàn.

Trong năm 2025, Vinatex đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc phát triển các hệ thống quản trị số, mở rộng ứng dụng công nghệ trong sản xuất và từng bước chuẩn hóa dữ liệu quản trị, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, tăng cường tính minh bạch của thông tin và hỗ trợ quá trình ra quyết định của lãnh đạo doanh nghiệp.



## 1. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

### 1.1. Hoàn thiện và mở rộng hệ thống quản trị sản xuất trong lĩnh vực sợi

Trong lĩnh vực sản xuất sợi – một trong những lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Tập đoàn – Vinatex tiếp tục hoàn thiện và mở rộng triển khai hệ thống phần mềm quản trị sản xuất sợi.

Đến cuối năm 2025, hệ thống đã được triển khai tại nhiều doanh nghiệp trong hệ thống Vinatex, bao gồm Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội (Hanosimex), Công ty Dệt Nam Định, Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Công ty CP Dệt May Huế và một số nhà máy sợi khác trong hệ thống.

Hệ thống quản trị sản xuất sợi cho phép theo dõi toàn diện các hoạt động sản xuất, bao gồm:

- ✓ Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất;
- ✓ Giám sát sản lượng theo từng công đoạn;
- ✓ Quản lý tiêu hao nguyên liệu;
- ✓ Kiểm soát chất lượng sản phẩm;
- ✓ Theo dõi hiệu suất thiết bị và tình trạng vận hành dây chuyền.

Trong năm 2025, hệ thống tiếp tục được nâng cấp với một số mô đun quan trọng như:

- ✓ Mô đun kiểm kê bán chế phẩm dở dang và quyết toán nguyên liệu theo tháng, giúp doanh nghiệp kiểm soát chính xác dòng nguyên liệu trong toàn bộ quá trình sản xuất;
- ✓ Mô đun quản trị sản xuất sợi xe, cho phép theo dõi sản lượng và hiệu quả sản xuất theo từng dòng sản phẩm;
- ✓ Mô đun quản lý tài sản và bảo trì thiết bị, hỗ trợ doanh nghiệp lập kế hoạch bảo trì, theo dõi vòng đời thiết bị và tối ưu chi phí bảo dưỡng.

Việc hoàn thiện hệ thống quản trị sản xuất đã góp phần nâng cao khả năng kiểm soát sản xuất theo thời gian thực, giảm thiểu lãng phí và tăng hiệu quả vận hành tại các nhà máy sợi.



1.2. Từng bước triển khai IoT và thu thập dữ liệu sản xuất thời gian thực

Song song với việc hoàn thiện các hệ thống quản trị sản xuất, một số doanh nghiệp trong hệ thống Vinatex đã bắt đầu triển khai kết nối dữ liệu trực tiếp từ thiết bị sản xuất và ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong nhà máy.

Thông qua việc kết nối dữ liệu từ các thiết bị sản xuất, doanh nghiệp có thể thu thập và theo dõi các thông số vận hành quan trọng theo thời gian thực, bao gồm:

- ✓ Sản lượng và hiệu suất thiết bị;
- ✓ Tỷ lệ đứt sợi và các chỉ số chất lượng;
- ✓ Thời gian dừng máy;
- ✓ Tiêu hao năng lượng và nguyên liệu.

Dữ liệu từ thiết bị được tích hợp vào hệ thống quản trị sản xuất, giúp doanh nghiệp giám sát hoạt động sản xuất một cách trực quan, phân tích nguyên nhân suy giảm hiệu suất và tối ưu hóa kế hoạch sản xuất.

Việc từng bước triển khai IoT trong các nhà máy sợi đã tạo nền tảng quan trọng cho việc phát triển mô hình nhà máy thông minh trong ngành dệt may trong những năm tới.

1.3. Hoàn thành xây dựng và triển khai hệ thống quản trị nhân sự VHRM

Một trong những dấu ấn nổi bật của chương trình chuyển đổi số trong năm 2025 là việc hoàn thành xây dựng và triển khai hệ thống quản trị nguồn nhân lực VHRM (Vinatex Human Resource Management) tại Văn phòng Tập đoàn.

Hệ thống VHRM là sản phẩm do chính đội ngũ kỹ thuật của Vinatex nghiên cứu, phát triển và làm chủ, được thiết kế phù hợp với đặc thù quản trị nhân sự của Tập đoàn và các doanh nghiệp trong ngành dệt may.

Hệ thống tích hợp các chức năng quản trị nhân lực quan trọng, bao gồm:

- ✓ Quản lý hồ sơ nhân sự tập trung;
- ✓ Quản lý hợp đồng lao động và quá trình công tác;
- ✓ Quản lý chấm công, nghỉ phép;
- ✓ Quản lý đánh giá hiệu quả công việc;
- ✓ Quản lý đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- ✓ Tổng hợp và phân tích dữ liệu nhân sự phục vụ công tác quản trị.

Việc triển khai VHRM tại Văn phòng Tập đoàn đã giúp chuẩn hóa các quy trình quản trị nhân sự, nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ và tăng cường khả năng khai thác dữ liệu nhân lực phục vụ công tác điều hành.

Đặc biệt, việc chủ động phát triển hệ thống bằng nguồn lực nội bộ giúp Vinatex làm chủ hoàn toàn công nghệ và linh hoạt trong việc mở rộng triển khai trong toàn hệ thống, tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng hệ thống quản trị nhân sự số của Tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo.

1.4. Phát triển hệ thống phân tích dữ liệu và báo cáo quản trị

Trong năm 2025, Vinatex tiếp tục phát triển hệ thống báo cáo quản trị và phân tích dữ liệu trên nền tảng Power BI, phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Các báo cáo phân tích được xây dựng cho nhiều lĩnh vực quản trị quan trọng như:

- ✓ Hiệu quả sản xuất tại các đơn vị;
- ✓ Phân tích chi phí và tiêu hao nguyên liệu;
- ✓ Theo dõi tiến độ sản xuất và giao hàng;
- ✓ Đánh giá các chỉ số hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Việc ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu giúp lãnh đạo Tập đoàn tiếp cận thông tin quản trị một cách trực quan, kịp thời và chính xác, từ đó nâng cao chất lượng ra quyết định trong điều hành doanh nghiệp.

Đã xây dựng và triển khai phần mềm quản lý dữ liệu vận hành hệ thống nước sạch và nước thải cho Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối.

1.5. Phát triển môi trường làm việc số (E-Office)

Vinatex tiếp tục phát triển nền tảng văn phòng số và môi trường làm việc số, hỗ trợ các hoạt động điều hành và phối hợp công việc giữa các Phòng Ban/ đơn vị trong hệ thống.

Các công cụ quản trị công việc, quản lý văn bản điện tử và chia sẻ thông tin được triển khai trên nền tảng công nghệ hiện đại/ tích hợp hoàn chỉnh, giúp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận, tăng tính minh bạch trong quản trị và giảm thiểu các quy trình xử lý thủ công.

1.6. Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin

Song song với việc mở rộng các hệ thống số, Vinatex tiếp tục chú trọng công tác bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu doanh nghiệp.

Trong năm 2025, Tập đoàn đã triển khai nhiều giải pháp nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường các biện pháp bảo mật hệ thống mạng, sao lưu dữ liệu và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ, người lao động, thực hiện nhiều chương trình đánh giá an toàn thông tin cho các đơn vị thành viên.

Các hoạt động này góp phần đảm bảo tính ổn định, an toàn và bền vững của hệ thống công nghệ thông tin, tạo nền tảng tin cậy cho quá trình chuyển đổi số của Tập đoàn.



## 1.7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số Vinatex giai đoạn 2026 - 2035

Một dấu mốc quan trọng trong công tác chuyển đổi số của Tập đoàn trong năm 2025 là việc xây dựng và ban hành Khung Chiến lược Chuyển đổi số Vinatex giai đoạn 2026 - 2035.

Chiến lược này được xây dựng trên cơ sở tổng kết quá trình triển khai chuyển đổi số trong những năm vừa qua, đồng thời đánh giá toàn diện hiện trạng hệ thống công nghệ, dữ liệu và mô hình quản trị của Tập đoàn.

Trọng tâm của chiến lược là xây dựng nền tảng quản trị số thống nhất cho toàn hệ thống theo mô hình "One Vinatex Operating System". Theo định hướng này, các hệ thống quản trị cốt lõi của Tập đoàn sẽ từng bước được chuẩn hóa và tích hợp trong một kiến trúc số thống nhất, bao gồm các hệ thống quản trị tài chính - doanh nghiệp, quản trị sản xuất, quản trị nhân sự, quản trị khách hàng và quản trị chuỗi cung ứng.

Chiến lược cũng xác định rõ lộ trình triển khai theo từng giai đoạn, bắt đầu từ việc chuẩn hóa dữ liệu và quy trình nghiệp vụ, tiến tới triển khai các hệ thống quản trị số quy mô lớn và từng bước khai thác các công nghệ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo phục vụ điều hành doanh nghiệp.

Việc ban hành Khung Chiến lược Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2035 thể hiện tầm nhìn dài hạn của Vinatex trong việc xây dựng một hệ sinh thái quản trị số hiện đại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của Tập đoàn trước những biến động của thị trường toàn cầu.



## 2. SÁU TRỤ CỘT CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

Trong giai đoạn tới, Vinatex tiếp tục xác định chuyển đổi số là một trong những định hướng quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản trị và năng lực cạnh tranh của Tập đoàn trong bối cảnh ngành dệt may toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng số hóa và tự động hóa.

Trên cơ sở tổng kết quá trình triển khai trong những năm vừa qua, Vinatex đã xây dựng Khung Chiến lược Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2035, hướng tới mục tiêu hình thành hệ sinh thái quản trị doanh nghiệp số thống nhất trong toàn Tập đoàn.



## 2.1. Mở rộng triển khai hệ thống quản trị nhân sự vHRM

Sau khi hoàn thành xây dựng và triển khai tại Văn phòng Tập đoàn trong năm 2025, Vinatex sẽ từng bước mở rộng triển khai hệ thống vHRM cho các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống từ năm 2026. Hiện đang bước đầu triển khai cho 3 đơn vị: Hanosimex, Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3; Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định.

Trong giai đoạn đầu, hệ thống sẽ được triển khai tại các doanh nghiệp có quy mô lao động lớn nhằm chuẩn hóa các quy trình quản trị nhân sự, bao gồm quản lý hồ sơ nhân sự, hợp đồng lao động, chấm công, đánh giá hiệu quả công việc và quản lý đào tạo.

Việc triển khai vHRM trên phạm vi toàn Tập đoàn sẽ giúp Vinatex hình thành cơ sở dữ liệu nhân lực thống nhất, hỗ trợ hiệu quả công tác hoạch định chiến lược nhân sự và phát triển nguồn nhân lực trong dài hạn.



## 2.2. Hoàn thiện hệ thống dữ liệu quản trị doanh nghiệp

Trong những năm tới, Vinatex sẽ tiếp tục xây dựng hệ thống dữ liệu quản trị doanh nghiệp thống nhất, từng bước chuẩn hóa và kết nối dữ liệu giữa các lĩnh vực quản trị trọng yếu như tài chính, sản xuất, nhân sự, bán hàng và chuỗi cung ứng.

Việc hình thành hệ thống dữ liệu tập trung sẽ tạo nền tảng cho việc triển khai các hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại và hỗ trợ mô hình điều hành doanh nghiệp dựa trên dữ liệu.

Đang xây dựng phần mềm Quản lý và hỗ trợ hoạt động người đại diện, dự kiến hoàn thành hết quý 2 năm 2026.

Đang xây dựng phần mềm quản lý hoạt động Ban Vải chống cháy dự kiến hết Q2 năm 2026 hoàn thành.



### 2.3. Phát triển các hệ thống quản trị chuyên sâu

Vinatex cũng sẽ tiếp tục phát triển và hoàn thiện các hệ thống quản trị chuyên sâu phục vụ các lĩnh vực hoạt động cốt lõi của ngành dệt may, bao gồm:

- ✓ Hệ thống quản trị sản xuất (MES);
- ✓ Hệ thống quản trị nguồn nhân lực (HRM);
- ✓ Hệ thống quản trị khách hàng (CRM);
- ✓ Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng (SCM);
- ✓ Hệ thống quản trị vòng đời sản phẩm (PLM).

Các hệ thống này sẽ từng bước được tích hợp trên cùng một kiến trúc dữ liệu, hình thành hệ sinh thái quản trị doanh nghiệp số toàn diện cho Vinatex.



### 2.4. Mở rộng ứng dụng IoT và dữ liệu thời gian thực trong sản xuất

Trong lĩnh vực sản xuất, Vinatex sẽ tiếp tục mở rộng triển khai kết nối dữ liệu thiết bị và ứng dụng IoT tại các nhà máy, hướng tới việc thu thập dữ liệu sản xuất theo thời gian thực trên quy mô rộng hơn.

Dữ liệu từ thiết bị sẽ được tích hợp vào các hệ thống quản trị và nền tảng phân tích dữ liệu, cho phép doanh nghiệp giám sát hiệu suất thiết bị, tối ưu hóa kế hoạch sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.



### 2.5. Phát triển năng lực phân tích dữ liệu và quản trị dựa trên dữ liệu

Trong giai đoạn tới, Vinatex sẽ tiếp tục mở rộng ứng dụng Business Intelligence và phân tích dữ liệu trong công tác điều hành doanh nghiệp.

Các hệ thống báo cáo quản trị sẽ được chuẩn hóa và kết nối với các nguồn dữ liệu từ các hệ thống quản trị khác, từng bước hình thành mô hình điều hành doanh nghiệp dựa trên dữ liệu (data-driven management).



### 2.6. Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa số

Vinatex xác định con người và văn hóa số là yếu tố then chốt quyết định thành công của quá trình chuyển đổi số. Trong thời gian tới, Tập đoàn sẽ tiếp tục:

- ✓ Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động;
- ✓ Phát triển đội ngũ chuyên gia công nghệ và dữ liệu;
- ✓ Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong toàn hệ thống.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các chương trình chuyển đổi số, Vinatex hướng tới mục tiêu xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại, minh bạch và dựa trên dữ liệu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong giai đoạn tới. □



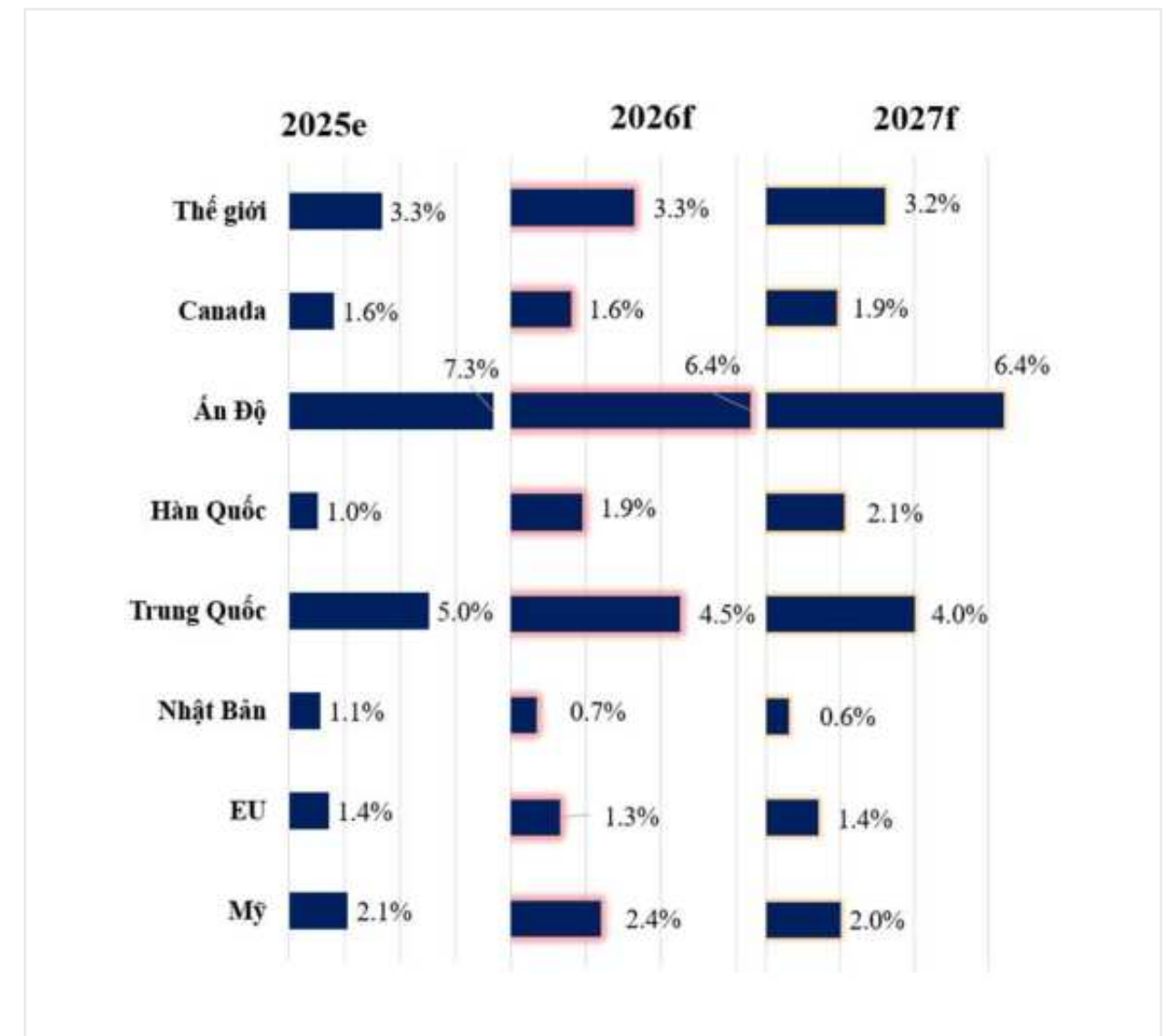


## TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ THỊ TRƯỜNG DỆT MAY NĂM 2026

### KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2026: TĂNG TRƯỞNG THẤP TRONG BỐI CẢNH BẤT ĐỊNH GIA TĂNG

Theo báo cáo Triển vọng kinh tế cập nhật tháng 01/2026 của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 dự báo khoảng 3,3%, tương đương năm 2025 nhưng thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 3,7% của giai đoạn trước đại dịch. IMF nhận định tăng trưởng toàn cầu đang duy trì trạng thái ổn định bề ngoài, nhưng thực chất phụ thuộc vào một số động lực hẹp như công nghệ và đầu tư công, khiến nền kinh tế dễ tổn thương trước các cú sốc chính sách, tài chính và địa chính trị.

Tăng trưởng giữa các khu vực tiếp tục phân hóa. Hoa Kỳ dự báo tăng trưởng khoảng 2,4% trong năm 2026, nhờ đầu tư công nghệ và tiêu dùng vẫn duy trì ở mức khá. Khu vực Eurozone tăng trưởng 1,4%, phản ánh nhu cầu nội địa yếu và chi phí năng lượng cao. Nhật Bản duy trì mức tăng thấp khoảng 0,7%, trong khi Trung Quốc tiếp tục xu hướng giảm tốc, với tăng trưởng dự kiến khoảng 4,5% trong 2026. Ấn Độ là nền kinh tế lớn duy trì tốc độ cao, khoảng 6,4% tuy nhiên giảm 0,9% so với năm 2025.



Theo báo cáo tháng 3/2026 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu năm 2026 được dự báo chỉ khoảng 1,9% trong kịch bản cơ sở, giảm mạnh so với mức tăng 4,6% của năm 2024 và thấp hơn đáng kể so với mức dự báo 2,6% công bố vào tháng 10/2025. Việc liên tục điều chỉnh giảm dự báo trong thời gian ngắn phản ánh mức độ bất định gia tăng nhanh trong những tháng đầu năm 2026, khi xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng và xu hướng bảo hộ thương mại đồng thời xuất hiện. WTO cảnh báo nếu giá năng lượng duy trì ở mức cao, tăng trưởng thương mại có thể suy giảm thêm, đặc biệt tại các nền kinh tế phụ thuộc nhập khẩu năng lượng.

Các dự báo trên chủ yếu dựa trên dữ liệu đến đầu năm 2026 và chưa phản ánh đầy đủ các biến động mới trong quý 1/2026, đặc biệt là xung đột quân sự tại Trung Đông, biến động mạnh của giá dầu và thay đổi chính sách thương mại của Hoa Kỳ. Những yếu tố này làm gia tăng nguy cơ lạm phát quay trở lại và kéo dài thời gian duy trì lãi suất cao, ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu dùng toàn cầu.

So với năm 2025, bối cảnh năm 2026 được đánh giá có mức độ bất định cao hơn rõ rệt do đồng thời xuất hiện nhiều yếu tố bất lợi, gồm xung đột địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, giá năng lượng tăng mạnh và nguy cơ chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt.





## CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ TOÀN CẦU: THẬN TRỌNG TRỞ LẠI, LÃI SUẤT DUY TRÌ Ở MỨC CAO

Trong bối cảnh lạm phát chưa quay về mức mục tiêu, các ngân hàng trung ương lớn đều duy trì quan điểm thận trọng trong các kỳ họp đầu năm 2026. Tại kỳ họp tháng 3/2026, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành, đồng thời nhấn mạnh chưa thể nới lỏng chính sách khi rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu. Các Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), Anh (BoE), Canada (BoC) cũng giữ nguyên lãi suất, trong khi Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm soát lạm phát.

Đáng chú ý, Ngân hàng Trung ương Úc đã tăng lãi suất thêm 0,25% trong ngày 18/3 do lo ngại giá năng lượng tăng trở lại có thể làm lạm phát vượt mục tiêu. Động thái này cho thấy chu kỳ nới lỏng tiền tệ có thể bị trì hoãn, thậm chí đảo chiều trong trường hợp giá dầu tiếp tục tăng. Điều kiện tài chính có thể bị thắt chặt hơn và khiến người tiêu dùng giảm chi tiêu đối với các mặt hàng không thiết yếu như dệt may, tương tự giai đoạn cuối năm 2022 – đầu năm 2023.



## GIA TĂNG XUNG ĐỘT ĐỊA CHÍNH TRỊ, GIÁ NĂNG LƯỢNG TĂNG MẠNH

Năm 2026 chứng kiến sự gia tăng căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực. Xung đột Nga – Ukraina tiếp tục kéo dài, căng thẳng tại eo biển Đài Loan chưa được giải quyết, trong khi chiến sự nổ ra tại Trung Đông từ cuối tháng 2 đã làm gián đoạn các tuyến vận tải và đẩy giá dầu thế giới tăng mạnh. Giá dầu Brent đã vượt mức 100 USD/thùng, tăng khoảng 80% so với đầu năm 2026 và tăng khoảng 45% so với trước thời điểm 28/02/2026. Diễn biến này phản ánh lo ngại về gián đoạn nguồn cung từ khu vực Trung Đông.

Hoạt động vận tải biển quốc tế cũng bị ảnh hưởng rõ rệt. Các tuyến vận chuyển đi châu Âu và bờ Đông Hoa Kỳ phải thay đổi lộ trình, thời gian giao hàng kéo dài thêm khoảng 14 - 20 ngày. Theo phản ánh từ các đơn vị sản xuất xuất khẩu, giá cước vận tải quốc tế đã tăng khoảng 30%, trong khi vận tải nội địa tăng 20% và vẫn tiếp tục duy trì đà tăng.

Tại Việt Nam, giá xăng dầu trong nước cũng tăng mạnh theo diễn biến thế giới. Tính đến ngày 26/3/2026, giá xăng bán lẻ trong nước đã tăng 54% so với đầu năm, trong khi giá dầu Diesel tăng tới 113%. Việc giá nhiên liệu tăng mạnh làm chi phí sinh hoạt của người lao động tăng theo, đồng thời làm gia tăng khả năng điều chỉnh giá điện trong thời gian tới do chi phí đầu vào của ngành điện tăng cao. Qua đó tạo áp lực trực tiếp lên chi phí sản xuất và làm thu hẹp biên lợi nhuận của các doanh nghiệp dệt may, đặc biệt tại các khâu tiêu thụ nhiều năng lượng như sợi, dệt và nhuộm.



## XU HƯỚNG BẢO HỘ THƯƠNG MẠI, RỦI RO THUẾ QUAN VÀ THUẾ TRUNG CHUYỂN

Bên cạnh yếu tố địa chính trị, năm 2026 còn ghi nhận sự gia tăng rõ rệt của các biện pháp bảo hộ thương mại. Tại Hoa Kỳ, sau khi các biện pháp thuế đối ứng bị tòa án yêu cầu tạm dừng, Chính phủ đã áp dụng mức thuế bổ sung 10% theo Mục 122 Đạo Luật thương mại năm 1974 (Section 122) trong thời hạn tối đa 150 ngày từ ngày 24/3/2026. Đồng thời, ngày 11/3/2026, Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) thông báo khởi động điều tra theo Mục 301 (Section 301) đối với 16 nền kinh tế, trong đó có Việt Nam, liên quan đến tình trạng dư thừa công suất trong lĩnh vực chế tạo.

Theo thông lệ, thời gian từ khi khởi xướng điều tra đến khi ban hành kết luận Section 301 thường kéo dài khoảng 11-12 tháng, tuy nhiên trên thực tế đã có trường hợp quá trình điều tra và áp dụng biện pháp diễn ra trong thời gian ngắn hơn, chỉ khoảng 3 - 4 tháng. Do đó, không loại trừ khả năng các biện pháp thuế theo

Section 301 có thể được áp dụng ngay từ cuối quý II/2026, nối tiếp thời điểm hết hiệu lực của mức thuế 10% tạm thời theo Section 122.

Khác với Section 122, cơ chế Section 301 không giới hạn mức thuế và có thể áp dụng trong thời gian dài, do đó tạo ra rủi ro đáng kể đối với các ngành xuất khẩu, đặc biệt là dệt may. Ngoài rủi ro thuế trực tiếp, với tỷ lệ nội địa hóa chỉ khoảng 45%, hàng dệt may Việt Nam có nguy cơ bị áp thuế trung chuyển và điều tra xuất xứ cũng gia tăng. Trong bối cảnh cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn, các cơ quan quản lý nhập khẩu có xu hướng kiểm soát chặt hơn đối với hàng hóa có nghi ngờ chuyển tải qua nước thứ ba. Điều này làm tăng rủi ro đối với các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt khi tỷ lệ sử dụng nguyên liệu nhập khẩu cao.

Đối với ngành Dệt May Việt Nam nói chung và Tập đoàn Dệt May Việt Nam nói riêng, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, nên bất kỳ thay đổi nào về chính sách thuế cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến đơn hàng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.



# NHU CẦU DỆT MAY THẾ GIỚI PHỤC HỒI CHẬM, CẠNH TRANH NGUỒN CUNG GAY GẮT

Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp, nhu cầu đối với hàng dệt may tiếp tục phục hồi chậm. Theo số liệu từ Trung tâm thương mại Quốc tế (trademap.org), tổng giá trị nhập khẩu dệt may toàn cầu (không tính giao dịch nội khối EU) tăng từ khoảng 680 tỷ USD năm 2015 lên khoảng 870 tỷ USD năm 2025, tương ứng tốc độ tăng trưởng bình quân chỉ khoảng 2,5%/năm, chưa loại trừ yếu tố lạm phát.



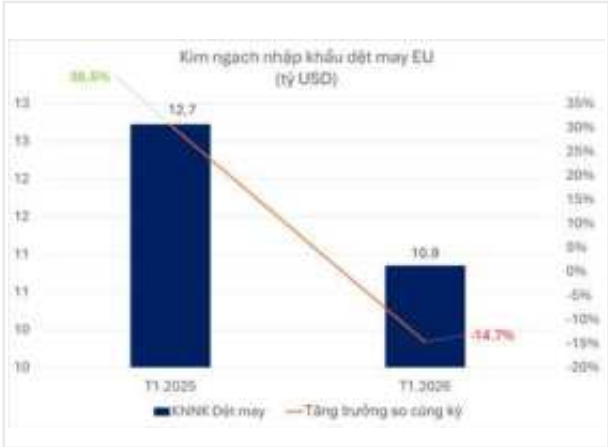
Trong khi cầu tăng chậm, cạnh tranh nguồn cung ngày càng gay gắt. Trung Quốc vẫn là quốc gia có quy mô sản xuất lớn nhất thế giới và tiếp tục đầu tư các cụm công nghiệp dệt may hoàn chỉnh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Khi gặp rào cản tại thị trường Hoa Kỳ, doanh nghiệp Trung Quốc có xu hướng chuyển hướng sang các thị trường khác với mức giá cạnh tranh hơn. Bên cạnh đó, các quốc gia có chi phí thấp như Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia tiếp tục mở rộng sản xuất và tăng cường các chính sách hỗ trợ xuất khẩu, làm áp lực cạnh tranh ngày càng lớn.



Tuy trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng, Việt Nam vẫn duy trì vị trí là quốc gia xuất khẩu hàng may mặc lớn nhất vào thị trường Hoa Kỳ trong năm 2025 và những tháng đầu năm 2026. Điều này cho thấy năng lực tổ chức sản xuất, khả năng đáp ứng đơn hàng và mức độ ổn định của chuỗi cung ứng trong nước vẫn được các nhãn hàng quốc tế đánh giá cao, tạo cơ sở quan trọng để duy trì thị phần trong điều kiện thị trường biến động.



Trong năm 2025 và những tháng đầu năm 2026, nhập khẩu dệt may tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn ở mức thấp hoặc tăng chậm, phản ánh tâm lý tiêu dùng thận trọng.





## THỊ TRƯỜNG NGUYÊN LIỆU BIẾN ĐỘNG, CHI PHÍ SẢN XUẤT TĂNG

Giá dầu thế giới tăng kéo theo chi phí năng lượng, nguyên liệu và phụ liệu tăng, đặc biệt giá xơ polyester tăng khoảng 35% so với đầu năm, trong khi giá bông biến động, ảnh hưởng lớn đến khối sợi – khu vực tạo ra khoảng 15 – 20% lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn.

Bên cạnh rủi ro về giá, doanh nghiệp sản xuất còn chịu áp lực từ phía các nhãn hàng quốc tế khi họ yêu cầu chia sẻ chi phí phát sinh thông qua việc giảm giá gia công hoặc giữ nguyên giá FOB thay vì tăng giá bán, khiến phần chi phí tăng do thuế, vận tải và nguyên liệu được chuyển ngược lại cho nhà sản xuất.

Đồng thời, các nhãn hàng có xu hướng rút ngắn thời gian đặt hàng, chia nhỏ đơn hàng và điều chỉnh kế hoạch mua thường xuyên, làm doanh nghiệp vừa chịu rủi ro biến động giá, vừa chịu rủi ro trong tổ chức sản xuất khi phải liên tục điều chỉnh công suất, lao động và nguyên liệu trong thời gian ngắn.



## TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng thấp, cạnh tranh gay gắt và rủi ro thuế quan gia tăng, môi trường kinh doanh năm 2026 được đánh giá khó khăn hơn so với năm 2025. Ngành Dệt May Việt Nam không còn nhiều dư địa để tăng trưởng theo chiều rộng, do nhu cầu tiêu dùng thế giới phục hồi chậm trong khi chi phí sản xuất tăng, nguồn lao động trong nước hạn chế và lợi thế cạnh tranh về chi phí ngày càng thu hẹp. Việc các nền kinh tế lớn gia tăng các biện pháp bảo hộ, đặc biệt tại thị trường Hoa Kỳ, cùng với rủi ro thuế trung chuyển và yêu cầu kiểm soát xuất xứ chặt chẽ hơn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến đơn hàng từ nửa cuối năm 2026.

Tuy nhiên, kinh nghiệm trong những năm gần đây cho thấy doanh nghiệp có thể duy trì tăng trưởng nếu chủ động dự báo thị trường, đa dạng hóa khách hàng, nâng cao năng lực quản trị và tận dụng tối đa cơ hội để tạo hiệu quả dù chỉ trong thời gian ngắn.

Bước sang năm 2026, định hướng chung là nâng cao hiệu suất tổng thể toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả khai thác tài sản, tăng năng suất lao động và phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Mục tiêu không chỉ là tăng trưởng doanh thu mà là nâng cao hiệu quả, cải thiện năng suất và duy trì ổn định việc làm.

Định hướng điều hành trong năm 2026 tập trung vào một số nhóm giải pháp trọng tâm:

✓ Nâng cao năng lực quản trị sản xuất, tài chính và thị trường để phản ứng nhanh với biến động của chính sách thương mại, giá nguyên liệu và nhu cầu tiêu dùng.

✓ Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường quản trị trên nền dữ liệu để nâng cao tính minh bạch và hiệu quả điều hành.

✓ Tăng tỷ lệ nội địa hóa, phát triển chuỗi cung ứng trong nước nhằm giảm rủi ro thuế quan, giảm phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu và rút ngắn thời gian giao hàng.

✓ Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào một thị trường, đồng thời mở rộng các phân khúc có giá trị gia tăng cao.

✓ Sàng lọc các hoạt động có hiệu quả thấp, tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực có khả năng sinh lời và có lợi thế cạnh tranh dài hạn.

✓ Nâng cao năng suất tổng hợp (TFP) thông qua cải tiến công nghệ, tổ chức sản xuất linh hoạt và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

✓ Bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đồng thời từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn của toàn hệ thống.

Trong bối cảnh nhiều rủi ro và bất định, năm 2026 được xác định là năm bản lề để chuyển từ tăng trưởng theo quy mô sang tăng trưởng theo hiệu quả, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Tập đoàn theo hướng ổn định, bền vững và có năng lực cạnh tranh cao hơn trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu. □



# HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2025



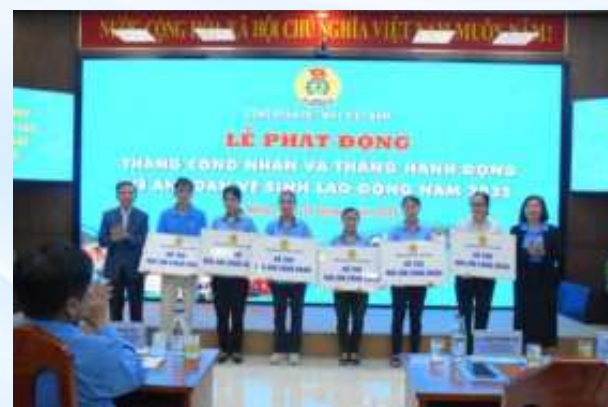
**1** Trước ảnh hưởng của thiên tai năm 2025 xảy ra tại nhiều địa phương trên cả nước, gồm khu vực miền Bắc và miền Trung, Tập đoàn – Công đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động quyên góp, ủng hộ đồng bộ bị bão lũ, với tổng số tiền hỗ trợ là 963 triệu đồng và gần 14.000 sản phẩm ủng hộ người lao động của các đơn vị, CĐCS trong hệ thống và đồng bào các địa phương bị thiệt hại bởi lũ lụt. Cùng với đó, vận động hỗ trợ nhân dân bị thiệt hại do cơn bão số 10 với mức đóng góp tương đương 01 ngày lương/ngày công và nộp trực tiếp về tài khoản của Ban vận động thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



**4** Duy trì và lan toả các giải thưởng thường niên của ngành Dệt May Việt Nam như: 05 doanh nghiệp được bình chọn “Doanh nghiệp vì Người lao động” cấp quốc gia và 13 doanh nghiệp tôn vinh cấp ngành; 10 đoàn viên nữ được trao giải thưởng Nguyễn Thị Sen; tôn vinh 26 Gia đình Dệt May tiêu biểu; Tổ chức chương trình “Bay cao ước mơ”, khen thưởng gần 900 cháu là con người lao động đạt thành tích xuất sắc trong học tập, nhiều cháu đạt danh hiệu Học sinh giỏi cấp Quốc gia và nhiều giải thưởng Quốc tế, trao học bổng “Đồng hành cùng em đến trường” cho hơn 440 cháu với tổng kinh phí hơn 1,2 tỷ đồng.



**2** Chương trình hiến máu tình nguyện “Hành trình đỏ” tiếp tục được duy trì. Năm 2025, đã tổ chức được 6 chương trình hiến máu tình nguyện tại 3 miền Bắc - Trung - Nam, thu hút 2.208 đoàn viên, học sinh, sinh viên, người lao động đến từ các CĐCS, thu được 1.928 đơn vị máu. Các đơn vị trong hệ thống còn tích cực vận động đoàn viên, người lao động tham gia chương trình hiến máu tại địa phương.



**3** Tháng Công nhân 2025 tổ chức nhiều hoạt động như tặng quà người lao động có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ xây mới, sửa chữa “Mái ấm Công đoàn”; tổ chức bán hàng giá ưu đãi; chương trình “Bữa cơm công đoàn”; hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị cho các thiết chế cơ sở... với tổng kinh phí 6,2 tỷ đồng.



**5** Chương trình “Tết Sum vầy - Ngày hội Công nhân - Phiên chợ nghĩa tình” Xuân Ất Tỵ 2025 được tổ chức tại 5 điểm trên cả nước với nhiều hoạt động như: gian hàng ưu đãi; tặng vé xe 0 đồng; chuyến xe nghĩa tình cho người lao động về quê đón Tết; tặng nhu yếu phẩm thiết yếu trong dịp Tết Nguyên đán; trao quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn... với kinh phí chăm lo toàn hệ thống gần 98 tỷ đồng.



**6** Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và kinh phí công đoàn để phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, nuôi trẻ mồ côi tại địa phương. Ủng hộ các quỹ: Vì người nghèo, Nạn nhân chất độc hóa học, Khuyến học. Tặng học bổng cho trẻ em nghèo vượt khó, thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách. Tổng số tiền chi cho công tác từ thiện xã hội trong toàn hệ thống là 12,76 tỷ đồng. □

Chương

06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý cổ đông vui lòng theo dõi bản đầy đủ tiếng Việt, tiếng Anh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo QR code sau ⇒



# TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 17 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội).

|                          |                      |                                   |
|--------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> | Ông Lê Tiến Trường   | Chủ tịch                          |
|                          | Ông Trần Quang Nghị  | Phó Chủ tịch                      |
|                          | Ông Cao Hữu Hiếu     | Thành viên                        |
|                          | Ông Đặng Vũ Hùng     | Thành viên                        |
|                          | Ông Vũ Hồng Tuấn     | Thành viên                        |
|                          | Ông Nguyễn Xuân Đông | Thành viên                        |
|                          | Bà Lê Ngọc Diệp      | Thành viên<br>(từ ngày 16/6/2025) |

|                              |                        |                                           |
|------------------------------|------------------------|-------------------------------------------|
| <b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b> | Ông Cao Hữu Hiếu       | Tổng Giám đốc                             |
|                              | Ông Nguyễn Song Hải    | Phó Tổng Giám đốc                         |
|                              | Ông Phạm Văn Tân       | Phó Tổng Giám đốc                         |
|                              | Ông Lê Mạc Thuấn       | Phó Tổng Giám đốc                         |
|                              | Ông Nguyễn Đức Trí     | Phó Tổng Giám đốc                         |
|                              | Ông Lê Trung Hải       | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 30/6/2025) |
|                              | Ông Phạm Xuân Trinh    | Phó Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 18/11/2025) |
|                              | Ông Nguyễn Hùng Quý    | Giám đốc điều hành<br>(từ ngày 1/8/2025)  |
|                              | Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Giám đốc điều hành<br>(từ ngày 1/8/2025)  |

|                      |                       |                                   |
|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|
| <b>Ban Kiểm soát</b> | Bà Trần Thị Thu Hằng  | Trưởng ban                        |
|                      | Bà Đoàn Thị Thu Hương | Thành viên                        |
|                      | Bà Đặng Thị Hồng Lê   | Thành viên                        |
|                      | Bà Nguyễn Thanh Lê    | Thành viên                        |
|                      | Bà Bùi Việt Phương    | Thành viên<br>(từ ngày 16/6/2025) |

**Trụ sở đăng ký** 25 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Hà Nội, Việt Nam  
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:  
25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam)

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 81 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



CAO HỮU HIẾU  
Tổng Giám đốc

HÀ NỘI, NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 2026

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

## Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 79.

### Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 44 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 liên quan đến tiền thuê đất tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 không bị ảnh hưởng bởi vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Trương Vĩnh Phúc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**Đàm Xuân Lâm**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                                      | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND     | 1/1/2025 VND      |
|------------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|-------------------|
|                                                      |       |             |                    | Đã điều chỉnh lại |
| TÀI SẢN                                              |       |             |                    |                   |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100   |             | 10.762.536.339.866 | 9.551.568.540.428 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                   | 110   | 5           | 980.783.604.409    | 1.004.605.536.998 |
| Tiền                                                 | 111   |             | 384.813.563.313    | 334.076.336.998   |
| Các khoản tương đương tiền                           | 112   |             | 595.970.041.096    | 670.529.200.000   |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn                            | 120   |             | 3.190.214.146.464  | 2.470.361.179.586 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                      | 123   | 6(a)        | 3.190.214.146.464  | 2.470.361.179.586 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn                          | 130   |             | 2.797.268.666.912  | 2.605.636.273.056 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                     | 131   | 7           | 2.556.697.231.237  | 2.275.337.763.396 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                     | 132   |             | 171.733.691.151    | 210.121.976.970   |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                         | 135   | 8           | 2.342.860.000      | 4.542.860.000     |
| Phải thu ngắn hạn khác                               | 136   | 9(a)        | 405.756.798.215    | 438.691.971.804   |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                   | 137   | 10          | (339.262.792.077)  | (323.937.380.285) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                              | 139   |             | 878.386            | 879.081.171       |
| Hàng tồn kho                                         | 140   | 11          | 3.447.123.542.825  | 3.217.895.959.803 |
| Hàng tồn kho                                         | 141   |             | 3.540.504.527.610  | 3.290.341.262.584 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                       | 149   |             | (93.380.984.785)   | (72.445.302.781)  |
| Tài sản ngắn hạn khác                                | 150   |             | 347.146.379.256    | 253.069.590.985   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                           | 151   | 17(a)       | 37.191.553.444     | 33.510.806.237    |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                  | 152   |             | 293.587.227.847    | 206.720.345.742   |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước             | 153   | 20(a)       | 16.367.597.965     | 11.656.762.056    |
| Tài sản ngắn hạn khác                                | 155   |             | -                  | 1.181.676.950     |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                                           | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND      | 1/1/2025 VND        |
|-----------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------|---------------------|
|                                                           |       |             |                     | Đã điều chỉnh lại   |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200   |             | 9.792.355.829.530   | 9.714.281.621.524   |
| Các khoản phải thu dài hạn                                | 210   |             | 34.238.329.210      | 48.299.560.798      |
| Phải thu về cho vay dài hạn                               | 215   | 8           | -                   | 2.342.860.000       |
| Phải thu dài hạn khác                                     | 216   | 9(b)        | 140.348.254.006     | 152.066.625.594     |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi                         | 219   | 10          | (106.109.924.796)   | (106.109.924.796)   |
| Tài sản cố định                                           | 220   |             | 5.016.137.323.254   | 5.553.947.899.230   |
| Tài sản cố định hữu hình                                  | 221   | 12          | 4.850.433.307.217   | 5.306.725.844.505   |
| Nguyên giá                                                | 222   |             | 14.270.660.551.890  | 14.183.089.852.907  |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 223   |             | (9.420.227.244.673) | (8.876.364.008.402) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính                   | 224   | 13          | 128.350.063.497     | 154.704.015.687     |
| Nguyên giá                                                | 225   |             | 158.927.375.784     | 176.072.027.534     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 226   |             | (30.577.312.287)    | (21.368.011.847)    |
| Tài sản cố định vô hình                                   | 227   | 14          | 37.353.952.540      | 92.518.039.038      |
| Nguyên giá                                                | 228   |             | 72.510.269.389      | 151.254.837.986     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 229   |             | (35.156.316.849)    | (58.736.798.948)    |
| Bất động sản đầu tư                                       | 230   | 15          | 481.867.806.986     | 264.931.476.421     |
| Nguyên giá                                                | 231   |             | 605.392.478.669     | 366.591.995.896     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                    | 232   |             | (123.524.671.683)   | (101.660.519.475)   |
| Tài sản dở dang dài hạn                                   | 240   |             | 579.150.550.753     | 400.958.692.169     |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                   | 242   | 16          | 579.150.550.753     | 400.958.692.169     |
| Đầu tư tài chính dài hạn                                  | 250   |             | 3.337.232.547.754   | 3.138.795.610.940   |
| Đầu tư vào các công ty liên kết                           | 252   | 6(b)        | 3.066.606.488.126   | 2.991.643.306.334   |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                            | 253   | 6(b)        | 181.058.006.353     | 183.478.443.353     |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                         | 254   | 6           | (153.080.596.061)   | (184.906.788.083)   |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                           | 255   | 6(a)        | 242.648.649.336     | 148.580.649.336     |
| Tài sản dài hạn khác                                      | 260   |             | 343.729.271.573     | 307.348.381.966     |
| Chi phí trả trước dài hạn                                 | 261   | 17(b)       | 330.879.527.521     | 291.486.585.521     |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                            | 262   | 18          | 12.268.385.119      | 15.280.437.512      |
| Tài sản dài hạn khác                                      | 268   |             | 581.358.933         | 581.358.933         |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)                            | 270   |             | 20.554.892.169.396  | 19.265.850.161.952  |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                      | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND     | 1/1/2025 VND       |
|--------------------------------------|-------|-------------|--------------------|--------------------|
|                                      |       |             |                    | Đã điều chỉnh lại  |
| NGUỒN VỐN                            |       |             |                    |                    |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)        | 300   |             | 10.549.212.802.722 | 10.061.417.690.412 |
| Nợ ngắn hạn                          | 310   |             | 8.042.839.939.282  | 7.138.803.138.325  |
| Phải trả người bán ngắn hạn          | 311   | 19          | 1.036.483.036.722  | 1.258.590.848.176  |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn    | 312   |             | 67.663.090.385     | 92.831.620.899     |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước  | 313   | 20(b)       | 78.661.233.166     | 142.428.278.440    |
| Phải trả người lao động              | 314   |             | 965.673.321.201    | 705.297.556.707    |
| Chi phí phải trả ngắn hạn            | 315   | 21(a)       | 66.549.145.398     | 50.784.050.757     |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn    | 318   | 22          | 29.444.897.537     | 22.642.981.106     |
| Phải trả ngắn hạn khác               | 319   | 23(a)       | 615.868.636.329    | 562.649.754.189    |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn    | 320   | 24(a)       | 4.901.697.629.283  | 4.040.032.122.826  |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn           | 321   | 25          | 62.473.188.366     | 62.473.188.366     |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi            | 322   | 26          | 218.325.760.895    | 201.072.736.859    |
| Nợ dài hạn                           | 330   |             | 2.506.372.863.440  | 2.922.614.552.087  |
| Phải trả người bán dài hạn           | 331   |             | -                  | 17.600.000         |
| Chi phí phải trả dài hạn             | 333   | 21(b)       | 8.832.136.320      | 9.296.985.600      |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn     | 336   | 22          | 322.721.273.491    | 298.311.893.472    |
| Phải trả dài hạn khác                | 337   | 23(b)       | 84.160.829.212     | 76.708.423.953     |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn     | 338   | 24(b)       | 1.877.164.059.821  | 2.372.225.914.139  |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả      | 341   | 18          | 177.494.564.596    | 166.053.734.923    |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343   |             | 36.000.000.000     | -                  |

|                                                               | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND     | 1/1/2025 VND       |
|---------------------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|--------------------|
|                                                               |       |             |                    | Đã điều chỉnh lại  |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)                              | 400   | 27          | 10.005.679.366.674 | 9.204.432.471.540  |
| Vốn chủ sở hữu                                                | 410   |             | 9.986.987.218.683  | 9.185.118.248.553  |
| Vốn cổ phần                                                   | 411   | 28          | 5.000.000.000.000  | 5.000.000.000.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a  |             | 5.000.000.000.000  | 5.000.000.000.000  |
| Thặng dư vốn cổ phần                                          | 412   |             | 30.361.932.352     | 30.361.932.352     |
| Vốn khác của chủ sở hữu                                       | 414   |             | 134.388.890.041    | 216.823.916.584    |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản                               | 416   |             | (747.830.122.185)  | (747.830.122.185)  |
| Quỹ đầu tư phát triển                                         | 418   | 29          | 988.988.121.869    | 824.954.603.341    |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                             | 421   |             | 1.426.980.171.237  | 894.895.054.218    |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a  |             | 575.326.938.000    | 570.512.117.664    |
| - Lợi nhuận sau thuế năm nay                                  | 421b  |             | 851.653.233.237    | 324.382.936.554    |
| Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                              | 422   | 30          | 543.092.845.095    | 543.092.845.095    |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát                               | 429   |             | 2.611.005.380.274  | 2.422.820.019.148  |
| Nguồn kinh phí và các quỹ khác                                | 430   |             | 18.692.147.991     | 19.314.222.987     |
| Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định                  | 432   |             | 18.692.147.991     | 19.314.222.987     |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)                              | 440   |             | 20.554.892.169.396 | 19.265.850.161.952 |

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 02 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                                                                | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND           | 2024 VND           |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|--------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                         | 01    | 32          | 18.392.042.125.263 | 17.355.740.531.077 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                                                   | 02    | 32          | 19.115.449.193     | 29.913.829.942     |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)                 | 10    | 32          | 18.372.926.676.070 | 17.325.826.701.135 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                                           | 11    | 33          | 16.009.334.461.903 | 15.450.851.660.073 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)                                                   | 20    |             | 2.363.592.214.167  | 1.874.975.041.062  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                  | 21    | 34          | 361.964.721.607    | 396.309.051.170    |
| Chi phí tài chính                                                              | 22    | 35          | 422.527.190.460    | 600.559.282.943    |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                                      | 23    |             | 317.799.406.439    | 339.634.191.748    |
| Phần lãi trong công ty liên kết                                                | 24    | 6(b)        | 677.807.868.195    | 564.162.269.974    |
| Chi phí bán hàng                                                               | 25    | 36          | 503.119.335.593    | 497.484.713.811    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                   | 26    | 37          | 1.028.244.730.121  | 933.490.786.336    |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)} | 30    |             | 1.449.473.547.795  | 803.911.579.116    |
| Thu nhập khác                                                                  | 31    | 38          | 72.940.381.968     | 82.210.609.671     |
| Chi phí khác                                                                   | 32    | 39          | 42.645.501.377     | 51.030.130.153     |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)                                   | 40    |             | 30.294.880.591     | 31.180.479.518     |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                                    | 50    |             | 1.479.768.428.386  | 835.092.058.634    |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                                                    | 51    | 41          | 141.377.046.994    | 120.995.932.118    |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                                     | 52    | 41          | 14.452.882.066     | 58.657.603.122     |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)            | 60    |             | 1.323.938.499.326  | 655.438.523.394    |
|                                                                                |       |             |                    |                    |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu B 02 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                                                        | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND          | 2024 VND          |
|------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước) | 60    |             | 1.323.938.499.326 | 655.438.523.394   |
| Phân bổ cho:                                                           |       |             |                   |                   |
| Cổ đông của công ty mẹ                                                 | 61    |             | 851.653.233.237   | 324.382.936.554   |
| Cổ đông không kiểm soát                                                | 62    |             | 472.285.266.089   | 331.055.586.840   |
| Lãi trên cổ phiếu                                                      |       | 42          |                   | Đã điều chỉnh lại |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                               | 70    |             | 1.666             | 627               |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu                                             | 71    |             | 1.503             | 565               |

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:  
  
Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:  
  
Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

  
Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                                                             | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND          | 2024 VND          |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                                     |       |             |                   |                   |
| Lợi nhuận trước thuế                                                        | 01    |             | 1.479.768.428.386 | 835.092.058.634   |
| Điều chỉnh cho các khoản                                                    |       |             |                   |                   |
| Khấu hao và phân bổ                                                         | 02    |             | 799.513.178.681   | 786.693.122.385   |
| Các khoản dự phòng                                                          | 03    |             | 4.434.901.774     | (4.396.632.673)   |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |             | 56.009.990.804    | 63.304.469.469    |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                                     | 05    |             | (869.974.579.004) | (729.186.337.824) |
| Chi phí lãi vay                                                             | 06    |             | 317.799.406.439   | 339.634.191.748   |
| Các khoản điều chỉnh khác                                                   | 07    |             | 36.000.000.000    | -                 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động         | 08    |             | 1.823.551.327.080 | 1.291.140.871.739 |
|                                                                             |       |             |                   |                   |
| Biến động các khoản phải thu                                                | 09    |             | (257.197.221.384) | 76.567.685.862    |
| Biến động hàng tồn kho                                                      | 10    |             | (76.832.991.837)  | (84.807.000.787)  |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                            | 11    |             | (49.540.992.038)  | 35.347.948.790    |
| Biến động chi phí trả trước                                                 | 12    |             | (16.748.117.203)  | 325.825.506       |
|                                                                             |       |             | 1.423.232.004.618 | 1.318.575.331.110 |
| Tiền lãi vay đã trả                                                         | 14    |             | (318.813.001.846) | (371.128.972.686) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                           | 15    |             | (137.140.683.161) | (130.449.931.752) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                      | 17    |             | (104.758.484.923) | (86.400.261.113)  |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                               | 20    |             | 862.519.834.688   | 730.596.165.559   |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Mẫu B 03 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                                                          | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND             | 2024 VND             |
|--------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ                                      |       |             |                      |                      |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác       | 21    |             | (839.643.695.002)    | (467.534.639.674)    |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22    |             | 14.585.475.987       | 13.994.996.364       |
| Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua trái phiếu               | 23    |             | (2.680.076.647.414)  | (1.566.040.143.789)  |
| Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu           | 24    |             | 1.872.236.824.343    | 1.319.377.811.720    |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                              | 25    |             | (10.037.742.000)     | (16.997.681.887)     |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                          | 26    |             | 14.026.233.383       | 19.761.289.994       |
| Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức                             | 27    |             | 620.351.566.417      | 711.329.947.259      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                | 30    |             | (1.008.557.984.286)  | 13.891.579.987       |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                                   |       |             |                      |                      |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát | 31    |             | 1.500.000.000        | 360.000.000          |
| Tiền thu từ đi vay                                                       | 33    |             | 14.560.270.028.689   | 11.591.257.960.139   |
| Tiền trả nợ gốc vay                                                      | 34    |             | (14.291.090.896.251) | (11.641.239.697.781) |
| Tiền trả cổ tức                                                          | 36    |             | (154.168.949.779)    | (362.318.362.583)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                             | 40    |             | 116.510.182.659      | (411.940.100.225)    |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Mẫu B 03 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|                                                                    | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND          | 2024 VND          |
|--------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm<br>(50 = 20 + 30 + 40)             | 50    |             | (29.527.966.939)  | 332.547.645.321   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm                         | 60    |             | 1.004.605.536.998 | 668.657.670.914   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ            | 61    |             | 5.706.034.350     | 3.400.220.763     |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm<br>(70 = 50 + 60 + 61) | 70    | 5           | 980.783.604.409   | 1.004.605.536.998 |



Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Thị Nga

Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Cao Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cao Hữu Hiếu

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Vietnam National Textile and Garment Group

Tòa nhà Leadvisors Place - 41A Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

(+84-24) 38257700 (+84-24) 38262269 www.vinatex.com.vn



**VINATEX**

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Vietnam National Textile and Garment Group

 Tòa nhà Leadvisors Place - 41A Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

 (+84-24) 38257700  (+84-24) 38262269  [www.vinatex.com.vn](http://www.vinatex.com.vn)